

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sĩ

Ngành: Văn học Việt Nam

Định hướng: Ứng dụng

Mã ngành: 8220121

Thanh Hóa, năm 2025

Số: 516 /QĐ-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam
định hướng ứng dụng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 16/8/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 1837/QĐ-ĐHHD ngày 23/8/2022 và Quyết định 273/QĐ-ĐHHD ngày 14/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/01/2025 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam định hướng ứng dụng;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 47/TB-ĐHHD ngày 14/3/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức về việc thống nhất ban hành 02 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam định hướng ứng dụng, mã số 8220121 áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2025 (có Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trường khoa, Trường Bộ môn quản lý ngành Văn học Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Khoa học xã hội, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. QLĐT SDH.



Bùi Văn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số **516/QĐ-ĐHHĐ**, ngày **17** tháng **3** năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Văn học Việt Nam
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Masters of Vietnamese literature
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Mã ngành đào tạo:	8220121
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa học xã hội/Ngữ Văn
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	60
Điều kiện tốt nghiệp:	Theo điều 5 Quy định <i>Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức</i> được ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 273/QĐ-ĐHHĐ ngày 14/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none">- Giảng viên giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp có các môn học liên quan đến Ngữ văn;- Giáo viên Ngữ văn THPT, THCS, nhất là trường chuyên, trường năng khiếu;- Phóng viên, biên tập viên các báo, đài phát thanh, truyền hình, nhà xuất bản; chuyên viên trong các cơ quan hành chính nhà nước; trưởng phòng/ban biên tập báo, tạp chí...- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn, trường nhóm nghiên cứu...
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Tiến sĩ, sau tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	[1]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm

	<p>2020.</p> <p>[2]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2022.</p> <p>[3]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[4]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.</p> <p>[5]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>[6]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Vinh.</p> <p>[7]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.</p> <p>[8]. Chương trình Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.</p>
--	--

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam theo định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu ngành văn học Việt Nam và kiến thức liên ngành bổ trợ; có kỹ năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào việc truyền đạt tri thức ngành văn học; có kỹ năng thảo luận các vấn đề chuyên môn về văn học Việt Nam, tổ chức, quản trị các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; có khả năng tự định hướng và hướng dẫn người khác, đáp ứng yêu cầu về nguồn lao động tiên tiến, chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục, báo chí, xuất bản, hành chính công trong bối cảnh đổi mới mạnh mẽ và kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1. Có kiến thức sâu sắc về triết học, biết vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu văn học Việt Nam; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay; xác lập vững chắc thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn cho người học, làm cơ sở cho việc nhận thức và giải quyết tốt các vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

PO2. Có kiến thức liên ngành trong khoa học Ngữ văn và khoa học giáo dục ngành Ngữ văn ở mức sâu, rộng, tiên tiến.

PO3. Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về văn học Việt Nam, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc ngành văn học Việt Nam và biết ứng dụng vào việc tạo ra tri thức mới, đáp ứng tốt yêu cầu nghề nghiệp và đủ năng lực để học ở trình độ Tiến sĩ.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO4: Đạt chuẩn năng lực Tiếng anh bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam.

PO5. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc ngành Văn học Việt Nam một cách khoa học; kỹ năng truyền đạt, thảo luận các vấn đề chuyên môn; tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO6. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những thông tin, sáng kiến mới; tự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình

2.2.1. Kiến thức

PLO1. Người học có hiểu sâu sắc các kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học, những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

PLO2. Người học hiểu sâu sắc các kiến thức cơ sở ngành/liên ngành bao gồm Lí luận văn học, Ngôn ngữ học, Giáo dục học và biết vận dụng vào nghiên cứu các vấn đề thực tiễn/có tính mới của văn học Việt Nam, biết ứng dụng các kết quả đó vào việc giảng dạy Văn học Việt Nam và các vị trí việc làm phù hợp.

PLO3. Người học có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về văn học Việt Nam và vận dụng được các kiến thức đó vào nghiên cứu, phát triển/sáng tạo tri thức mới về văn học Việt Nam; thảo luận, truyền đạt tri thức chuyên ngành văn học Việt Nam nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng nghề nghiệp và tiếp tục học tập ở bậc Tiến sĩ.

2.2.2. Kỹ năng

PLO4. Người học đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam và vận dụng trong việc nâng cao kiến thức cơ sở ngành, liên ngành, chuyên ngành, nâng cao các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp.

PLO5. Người học có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp về các vấn đề thuộc ngành Văn học Việt Nam một cách khoa học; có kỹ năng thảo luận, truyền đạt các vấn đề chuyên môn và nghiên cứu, đưa ra những thông tin, sáng kiến mới.

PLO6. Người học có kỹ năng tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến liên quan đến Văn học Việt Nam; vận dụng các công nghệ, lý thuyết nghiên cứu một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật về văn học Việt Nam và giảng dạy, nghiên cứu văn học Việt Nam.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO7. Người học có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến mới, những kết luận có tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn văn học Việt Nam; khả năng tự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện các nhiệm vụ học tập các môn liên quan đến văn học Việt Nam.

PLO8. Người học có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về văn học Việt Nam để phát triển nghề nghiệp, có tinh yêu và trách nhiệm gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn học dân tộc.

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 7 TC	Bắt buộc	7
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 12 TC	Bắt buộc	3
		Tự chọn	9
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 26 TC	Bắt buộc	14
		Tự chọn	12
4	Thực tập: 6 TC		6
5	Đề án tốt nghiệp: 9 TC		9
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60 TC			

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/Thảo luận	Thực hành	Tự học			
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		7							
1	8THXH1	Triết học	4	42	36		180	1	Lý luận Mác - Lênin	
2	8TA001	Tiếng Anh	3	27	18	18	135	1	NN-VH &PPGD tiếng Anh	
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ		12							
	Các học phần bắt buộc		3							
3	1NV101	Một số lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại	3	27	30	6	135	1	Ngữ văn	
	Các học phần tự chọn (chọn 3 học phần)		9							

4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	1NV105	Ngôn ngữ và văn học	3	27	30	6	135	1		Ngữ văn
	1NV104	Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt	3	27	30	6	135	1		Ngữ văn
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	1NV102	Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
	1NV106	Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại	3	27	30	6	135	1	0	Ngữ văn
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	1NV107	Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI	3	27	27	9	135	2		Ngữ văn
	1NV108	Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông	3	27	27	9	135	2		Ngữ văn
C	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		26							
	Các học phần bắt buộc		14							
7	1NV218	Tam giáo và văn học trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	2	0	Ngữ văn
8	1NV230	Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	2	0	Ngữ văn
9	1NV219	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	3	27	30	6	135	2	0	Ngữ văn
10	1NV224	Thơ Việt Nam hiện đại	3	27	30	6	135	2	0	Ngữ văn
11	1NV227	Văn học và môi trường	2	18	15	4	90	2	0	Ngữ văn
	Các học phần tự chọn		12							
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
12	1NV221	Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam	3	5			193	3	1-10	Ngữ văn
	1NV222	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn
13	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	1NV223	Thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn
	1NVC01	Các khuynh hướng tiếp	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn

		cận văn học Việt Nam trung đại								
14	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	INV216	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn
	INVC08	Văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn
15	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	INVC10	Văn học Việt Nam trong môi giao lưu khu vực và thế giới	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn
	INVC09	Văn học và các loại hình nghệ thuật	3	27	30	6	135	3	0	Ngữ văn
	Thực tập		6					3		
	8DAVH1	Đề án tốt nghiệp	9					3, 4		
	Tổng cộng		60							

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư			
Phó giáo sư	02	04	06
Tiến sỹ	04	14	18
Thạc sỹ			
Đại học			

4.2. Phòng học:

Phòng học có trang bị máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan:

- Thư viện có đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các môn học, các sách báo khác thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn.

- Phòng bảo vệ luận văn có đầy đủ trang thiết bị (máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...), lịch sự, hiện đại.

V. Đề cương học phần

M1. Triết học/ Philosophy

- Số tín chỉ: 04 (42 Lý thuyết, 36 Thảo luận)

- Mã học phần: 8THXH1

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác - Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác - Lênin và sau quan điểm, mỗi nội

dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cũng cố kiến thức triết học Mác - Lênin đã được học ở bậc Đại học. Mở rộng và nâng cao hiểu biết về các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

- CO2: Rèn luyện và phát triển tư duy lôgic, biện chứng cho người học. Giúp người học vận dụng được những kiến thức đã học vào việc tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên ngành được đào tạo.

- CO3: Người học có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, cởi mở và thiện chí trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc. Có thái độ khách quan, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu môn học để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác - Lênin. Khái quát hóa được những đặc điểm cơ bản của các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại.

- CLO2: Vận dụng được kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

- CLO3: Người học nhận thức đúng được vai trò của triết học trong đời sống, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện. Hình thành ở người học phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Đủ năng lực vận dụng kiến thức triết học để nắm bắt và độc lập giải quyết những vấn đề liên quan đến các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Khái luận về triết học (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1. Triết học và đối tượng của triết học.

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

3.1. Triết học Mác - Lênin

3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội

4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

Chương 2: Bản thể luận (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

1.1. Khái niệm bản thể luận.

1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin.

2.2. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất

2.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

3.2. Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

3.3. Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phép biện chứng (8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

3.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật

3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

Chương 4: Nhận thức luận (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức

2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

4.1. Nội dung của nguyên tắc.

4.2. Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội (8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên

3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

- 3.1. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam
- 3.2. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 6: Triết học chính trị (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học
 - 1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị
 - 1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị
 - 1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị
2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội
 - 2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
 - 2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại
 - 2.3. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị
3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay
 - 3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay
 - 3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay
 - 3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay
 - 3.4. Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

Chương 7: Ý thức xã hội (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội
 - 1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội
 - 1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội
2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
 - 2.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
 - 2.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay
 - 3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay
 - 3.2. Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

Chương 8: Triết học về con người (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử
 - 1.1. Triết học phương Đông
 - 1.2. Triết học phương Tây trước Mác
 - 1.3. Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mácxít đương đại
2. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người
 - 2.1. Khái niệm con người
 - 2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người
 - 2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người
3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh
4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay
 - 4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người
 - 4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO..
Thuyết trình	X			
Vấn đáp		x	x	
Tự học	X	x	x	
Thảo luận	X	x	x	
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm			x	
Nghiên cứu tình huống		x	x	

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiểu luận)	CLO1 CLO2	30%
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Học viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Học viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Kế hoạch tư vấn

Học viên được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Hữu Vui (1997), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

M2. Tiếng Anh/ English

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 18TH, 18TL)

- Mã học phần: 8TA001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngôn ngữ - Văn hóa và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

- Điều kiện tiên quyết: đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc Đại học (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo *Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT*)

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng liên quan đến các chủ điểm quen thuộc và lĩnh vực chuyên môn (Kiến thức)

- CO2: Vận dụng được các kiến thức ngôn ngữ Anh để thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thành thạo ở bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. (Kỹ năng)

- CO3: Có sự yêu thích đối với học phần, có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm cũng như chủ động tự học, tự nghiên cứu. (Mức tự chủ và chịu trách nhiệm)

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Hệ thống hóa vốn từ vựng, ngữ pháp ở trình độ B2

- CLO2: Phân tích và vận dụng các kỹ thuật nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài, tivi.

- CLO3: Tự nhiên hóa các cách thức giao tiếp về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân.

- CLO4: Xác định và vận dụng các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận

- CLO5: Xác định và vận dụng các kỹ thuật Viết những dạng văn bản khác nhau để xây dựng một bài văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể.

- CLO6: Hình thành khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Anh; chủ động tiếp thu kiến thức và sử dụng tiếng Anh trên lớp học cũng như trong các tình huống thực tế.

4. Nội dung chi tiết học phần**Unit 1: Bands and Fands (2LT, 1TH, 1TL)**

1.1. Grammar: Present simple vs present continuous

1.2. Practise skills

Unit 2: Relative values (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

2.1. vocabulary: People and society

2.2. -ing form or infinitive

2.3. Practise skills

Unit 3: Things that matter (2LT, 1TH, 1TL)

3.1. Grammar: Present perfect and past simple

3.2. Practise skills

Unit 4: Battling nature (2LT, 1TH, 1TL)

4.1. Grammar: Articles

4.2. Practise skills

Unit 5: Eat your heart out! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

5.1. Grammar: Countable and uncountable nouns

5.2. Vocabulary: Food and drink

5.3. Practise skills

Unit 6: On camera (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

6.1. Future time

6.2. Vocabulary: Entertainment

6.3. Practise skills

Unit 7: A home from home (1LT, 2TH, 2TL)

7.1. Modal verbs

7.2. Practise skills

Unit 8: Moving on! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

8.1. Vocabulary: Work and Business

8.2. Reported speech

8.3. Practise skills

Unit 9: Lucky break (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

9.1. Conditionals

9.2. Vocabulary: Hobbies, sport and games

9.3. Practise skills

Unit 10: Virtual friend (2LT, 1TH, 1TL)

10.1. Conditionals (special cases)

10.2. Practise skills

Unit 11: Living on the edge (2LT, 1TH, 1TL)

11.1. Conditionals (mixed)

11.2. Practise skills

Unit 12: Crime science (2LT, 1TH, 1TL)

12.1. Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)

12.2. Practise skills

Unit 13: Who are you again (2LT, 1TH, 1TL)

13.1. Modal verbs (ability)

13.2. Practise skills

Unit 14: Say what you mean (2LT, 1,5TH, 1,5TL)

14.1. Vocabulary: Science and Technology

14.2. Revision

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình			X			X
Vấn đáp		X	X			X

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tự học	X	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X		X	X
Thực hành	X	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1	20%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1	30%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí 1 buổi ôn tập và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Jan Bell and Amanda Thomas (2005). *Gold First*, Pearsons (Kí hiệu HLBB1)

Tài liệu tham khảo

[1]. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006). *Destination B2: Grammar and Vocabulary*, Macmillan Education

[2]. Nguyễn Thị Quyết (2019). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A*. Nxb Thanh Hóa.

[3]. Nguyễn Thị Quyết (2019). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ B*. Nxb Thanh Hóa.

M3. Một số lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại/Some theory and methods of modern literature research

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết, 27 Thảo luận, 09 Thực hành)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn

- Mã học phần: 1NV101

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại của các trường phái nghiên cứu văn học trên thế giới. Học phần bao gồm các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa - lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử - tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết phân tích văn hóa, Phê bình tượng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại.

- CO2: Người học vận dụng được những kiến thức về lý thuyết văn học cùng các phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học tập, nghiên cứu, giảng dạy văn học trong nhà trường phổ thông cũng như các lĩnh vực nghiên cứu khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và nắm vững những nội dung chuyên sâu về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học phần.

- CLO2: Người học vận dụng thành thạo những phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học phần vào việc nghiên cứu, giảng dạy, phê bình các tác phẩm văn học cụ thể theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- CLO3: Người học thấy được những giá trị khoa học từ những lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại được trang bị, có ý thức cao, chủ động, tích cực trong việc ứng dụng những lý thuyết và phương pháp nghiên cứu hiện đại trong nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học trong nhà trường cũng như trong các lĩnh vực nghiên cứu khác.

4. Nội dung chi tiết học phần**Nội dung 1. Những vấn đề chung [07 (03 LT, 03 TL, 0 TH)]**

1.1. Những yêu cầu của thực tế nghiên cứu văn học

1.2. Khái lược về các lý thuyết và phương pháp

Nội dung 2. Tiểu sử học [08 (03 LT, 03 TL, 02 TH)]

2.1. Khái niệm phương pháp tiểu sử

2.2. Phương pháp tiểu sử học trong thực tế nghiên cứu văn học

ly

Nội dung 3. Thi pháp học [12 (05 LT, 05 TL, 02 TH)]

- 3.1. Khái niệm Thi pháp học
- 3.2. Thi pháp học và các trường phái nghiên cứu thi pháp
- 3.3. Đối tượng, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của thi pháp học
- 3.4. Quan niệm nghệ thuật về con người
- 3.5. Thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật
- 3.6. Tính nội dung và cấu trúc của thể loại
- 3.7. Điểm nhìn văn bản nghệ thuật

Nội dung 4. Chủ nghĩa hình thức Nga [04 (02 LT, 02 TL, 0 TH)]

- 4.1. Khái niệm Chủ nghĩa hình thức
- 4.2. “Nghệ thuật như là thủ pháp”

Nội dung 5. Phê bình mới [10 (04 LT, 04 TL, 02 TH)]

- 5.1. Khái niệm Phê bình mới
- 5.2. Điểm nhìn
- 5.3. Cấu trúc - kết cấu
- 5.4. Hình thức hữu cơ
- 5.5. Hình thức không gian

Nội dung 6. Chủ nghĩa cấu trúc [06 (03 LT, 03 TL, 0 TH)]

- 6.1. Khái niệm Chủ nghĩa cấu trúc
- 6.2. Một số vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa cấu trúc
- 6.3. Chủ nghĩa hậu cấu trúc
- 6.4. Chủ nghĩa giải cấu trúc

Nội dung 7. Trần thuật học [10 (04 LT, 04 TL, 02 TH)]

- 7.1. Khái niệm Trần thuật học
- 7.2. Các cấp độ trần thuật
- 7.3. Các loại hình trần thuật

Nội dung 8. Mỹ học tiếp nhận [07 (03 LT, 03 TL, 01 TH)]

- 8.1. Khái niệm Mỹ học tiếp nhận
- 8.2. Mối quan hệ giữa Văn bản văn học và Tác phẩm văn học
- 8.3. Tâm đón đón đợi của người đọc
- 8.4. "Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học"

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X	X	X
Tự học	X	X	X
Thảo luận	X	X	X
Thực hành	X	X	X
Hướng dẫn			X
Hoạt động nhóm	X	X	X
Nghiên cứu tình huống			X
Chuyên đề			X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
-----	--------------------	------------------	------------------	----------

Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2 CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1 CLO2 CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị:

Phòng học vừa đủ rộng để chia nhóm thảo luận; có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Nhiều tác giả (2019), *Các lý thuyết và phương pháp văn học*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Đình Sử, (1998), *Giáo trình Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. I. P Ilin và E. A Tzurganova (2003), *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học*, (Đào Tuấn Anh – Trần Hồng Vân – Lại Nguyên Ân dịch), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Lã Nguyên (2018), *Phê bình kí hiệu học - Đọc văn như là hành trình tái thiết ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.

M4a. Ngôn ngữ và văn học / Linguistics and Literature

- Số tín chỉ: 03 (27, 30, 6)
- Mã học phần: INV105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học. Đó là quan niệm về ngôn ngữ, về các chức năng của ngôn ngữ, về đặc tính của nghệ thuật văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật, về sự chi phối của chất liệu ngôn ngữ đối với các quá trình sáng tác và tiếp nhận văn chương cũng như đối với các tác phẩm văn chương. Lý thuyết về hoạt động giao tiếp ngôn ngữ được vận dụng vào lĩnh vực văn chương góp phần khẳng định bản chất giao tiếp của văn chương, phân xuất những đặc điểm của giao tiếp trong văn chương. Học phần còn cung cấp cơ sở lý thuyết về tín hiệu và hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, từ đó lý giải bản chất và đặc điểm của tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương; mối quan hệ và sự chuyển hóa từ tín hiệu ngôn ngữ sang tín hiệu thẩm mỹ; nguồn gốc và phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ, tính chất của tín hiệu thẩm mỹ.

Học phần phát triển năng lực nhận diện, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ qua tác phẩm văn học; phát triển năng lực tiếp nhận, phân tích tác phẩm văn học từ phương diện ngôn ngữ và vận dụng vào việc giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường, viết báo, sáng tác văn học nghệ thuật...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm được kiến thức cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học: ngôn ngữ là chất liệu của nghệ thuật văn chương, giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương, tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương.

- CO2: Phát triển năng lực nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ trong tác phẩm văn học và ngược lại, nghiên cứu, tiếp nhận tác phẩm văn học từ góc độ ngôn ngữ; phát triển năng lực sử dụng ngôn từ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp.

- CO3: Chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng tri thức ngôn ngữ và văn học vào việc phát hiện, giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu, phân tích, giải thích được những vấn đề cơ bản như chức năng làm chất liệu cho tác phẩm văn học của ngôn ngữ, đặc điểm của hoạt động giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương, đặc điểm của tín hiệu thẩm mỹ và mối quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ đời thường và tín hiệu thẩm mỹ trong văn học. Từ đó thấy được mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn học, thấy được sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ văn chương.

- CLO2: Vận dụng được hệ thống kiến thức ngôn ngữ và văn học vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ, của văn học, vào giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ và văn học; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng tư vấn chuyên môn, thảo luận các vấn đề về ngôn ngữ, văn học và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học với người học, với đồng nghiệp và với những người khác.

- CLO4: Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ và văn học; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Ngôn ngữ - chất liệu của nghệ thuật văn chương [19 tiết (LT:7; BT/TL: 10; TH: 2)]

1. Quan niệm về ngôn ngữ
2. Chức năng của ngôn ngữ
 - 2.1. Chức năng giao tiếp
 - 2.2. Chức năng nhận thức, tư duy
 - 2.3. Chức năng thẩm mỹ
 - 2.4. Chức năng giải trí
 - 2.5. Chức năng siêu ngôn ngữ
3. Văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật

Chương 2. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương [22 tiết (LT: 10; BT/TL: 10; TH: 2)]

1. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường
 - 1.1. Giản yếu về giao tiếp ngôn ngữ
 - 1.2. Các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ
2. Giao tiếp trong văn chương
 - 2.1. Quan niệm về giao tiếp trong văn chương
 - 2.2. Đặc điểm của giao tiếp trong văn chương
 - 2.2.1. Về nhân vật giao tiếp
 - 2.2.2. Về ngữ cảnh giao tiếp
 - 2.2.3. Về đặc tính siêu ngôn ngữ
 - 2.2.4. Về mục đích và chức năng
 - 2.2.5. Về hành động ngôn ngữ và hàm ý

Chương 3. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương [22 tiết (LT: 10; BT/TL: 10; TH: 2)]

1. Tín hiệu ngôn ngữ
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Các tính chất cơ bản của tín hiệu ngôn ngữ
 - 1.2.1. Tín hiệu ngôn ngữ là tín hiệu nhân tạo
 - 1.2.2. Tín hiệu ngôn ngữ là tín hiệu âm thanh
 - 1.2.3. Tín hiệu ngôn ngữ luôn có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt
 - 1.2.4. Tín hiệu ngôn ngữ có tính hình tuyến
 - 1.2.5. Tín hiệu ngôn ngữ mang tính đa trị
 - 1.2.6. Tín hiệu ngôn ngữ mang tính biểu cảm
 - 1.2.7. Tín hiệu ngôn ngữ mang tính hệ thống
2. Tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.3. Nguồn gốc của tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.4. Phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.4.1. Ấn dụ
 - 2.4.2. Hoán dụ
 - 2.5. Các tính chất của tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.5.1. Tính hình tuyến
 - 2.5.2. Tính có lí do
 - 2.5.3. Tính hàm súc
 - 2.5.4. Tính cá thể

2.5.5. Tính dân tộc

2.5.6. Tính biểu cảm

2.5.7. Tính hệ thống

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	√	√	√	
Vấn đáp	√	√	√	
Tự học	√	√	√	√
Thảo luận	√	√	√	√
Thực hành	√	√	√	√
Hướng dẫn			√	√
Hoạt động nhóm	√	√	√	√
Nghiên cứu tình huống		√	√	√
Chuyên đề	√	√	√	
Đồ án				

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1 CLO2	20%
2	Tham gia thảo luận/Thuyết trình	Rubric 2/Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Bùi Minh Toán (2012), *Ngôn ngữ với văn chương*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Lai (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục.

M4b. Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt/Language in the communication culture of the Vietnamese people

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 30 BT, 6TL)

- Mã học phần: INV104

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

Học phần phát triển năng lực phân tích, miêu tả những vấn đề của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt ở mức độ cơ bản và nâng cao và vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói chung để tìm hiểu các hiện tượng Ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp của người Việt trong tiếng Việt.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; giao tiếp bằng ngôn ngữ; các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

- CO2: Phát triển năng lực cần thiết trong việc vận dụng những kiến thức cơ bản của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt vào công việc nói chung.

- CO3: Chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng tri thức về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp người Việt vào việc phát hiện, giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu, phân tích được những vấn đề về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp người Việt như: những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, văn hóa, giao tiếp; hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

- CLO2: Vận dụng được hệ thống kiến thức ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể, vào giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

- CLO3: Có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng tư

vấn chuyên môn, thảo luận các vấn đề về ngôn ngữ văn hóa với người học, với đồng nghiệp và với những người khác.

- CLO4: Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp [17 tiết (LT7, BT/TL8, TH2)]

- 1.1. Khái quát về ngôn ngữ
 - 1.1.1. Khái niệm ngôn ngữ
 - 1.1.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ
 - 1.1.3. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt
- 1.2. Khái quát về văn hóa (đối với việc giao tiếp)
 - 1.2.1. Khái niệm văn hóa
 - 1.2.2. Tính hệ thống của văn hóa
 - 1.2.3. Đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt
- 1.3. Khái quát về giao tiếp
 - 1.3.1. Khái niệm giao tiếp
 - 1.3.2. Các hình thức giao tiếp
 - 1.3.3. Vai trò của giao tiếp
- 1.4. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp
 - 1.4.1. Giao tiếp với văn hóa
 - 1.4.2. Văn hóa và giao tiếp

Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ [19 tiết (LT7, BT/TL10, TH2)]

- 2.1. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ
- 2.2. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ
 - 2.2.1. Giao tiếp bằng hình thức nói
 - 2.2.2. Giao tiếp bằng hình thức viết
- 2.3. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ
 - 2.3.1. Vai trò của hình thức giao tiếp nói
 - 2.3.2. Vai trò của hình thức giao tiếp viết

Chương 3: Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt [19 tiết (LT7, BT/TL10, TH2)]

- 3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt
 - 3.1.1. Các yếu tố cận lời
 - 3.1.2. Các yếu tố phi lời
- 3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt
 - 3.2.1. Yếu tố về tuổi
 - 3.2.2. Yếu tố về địa vị xã hội
 - 3.2.3. Yếu tố về giới tính

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	√	√	√	
Vấn đáp	√	√	√	
Tự học	√	√	√	√

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thảo luận	√	√	√	√
Thực hành	√	√	√	√
Hướng dẫn			√	√
Hoạt động nhóm	√	√	√	√
Nghiên cứu tình huống		√	√	√
Chuyên đề	√	√	√	
Đồ án				

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1 CLO2	20%
2	Tham gia thảo luận/Thuyết trình	Rubric 2/Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				30%
1	Viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	50%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

M5a. Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam/ Type of authors in Vietnamese medieval literature

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)
- Mã học phần: INV102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần vận dụng lý thuyết loại hình học để tìm hiểu một phương diện cơ bản của loại hình học trong nghiên cứu văn học là loại hình tác giả; triển khai nghiên cứu ứng dụng vào lịch sử văn học Việt Nam: mô tả, hệ thống hóa, phân loại đối với các loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam. Bao gồm kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh; kiểu tác giả văn học Thiền sư và kiểu tác giả văn học nhà nho. Trong đó, kiểu tác giả văn học nhà nho có số lượng đông đảo nhất, để lại nhiều nhất về số lượng tác phẩm cũng như những tác phẩm có giá trị trong văn học truyền thống.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có được kiến thức chuyên sâu về cơ sở, điều kiện của quá trình hình thành, phát triển loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học hiểu, trình bày, giải thích được khái niệm về các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam như kiểu tác giả vua chúa, quan lại, tướng lĩnh; kiểu tác giả thiền sư, nhà nho; kiểu tác giả bình dân và những điểm tương đồng, khác biệt giữa các kiểu tác giả văn học ấy.

- CO2: Người học có được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học dưới góc độ loại hình: loại hình văn học và loại hình tác giả văn học, khuynh hướng và trào lưu văn học; có kỹ năng vận dụng kiến thức về loại hình tác giả văn học để phân loại, so sánh các kiểu tác giả văn học khác nhau trong nền văn học dân tộc cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về loại hình tác giả văn học trung đại nói riêng và loại hình tác giả văn học nói chung trong nghiên cứu và giảng dạy văn học sử. Có ý thức giữ gìn, truyền bá và bảo lưu những giá trị văn chương Việt Nam thời trung đại, đặc biệt là các trước tác của các nhà thơ, nhà văn hóa lớn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học nhận diện và hệ thống hóa được các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam.

- CLO2: Người học có khả năng luận giải và đánh giá về các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam với các loại hình tác giả trong nền văn học dân tộc.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về loại hình tác giả văn học trung đại để nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Khái quát về loại hình học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]

1.1. Khái niệm loại hình, loại hình học, loại hình tác giả văn học

- 1.1.1. Loại hình
- 1.1.2. Loại hình học
- 1.1.3. Loại hình tác giả văn học

1.2. Khái quát về loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam

1.2.1. Cơ sở hình thành, phát triển

1.2.2. Phân loại kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam

Chương 2. Một số kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam [25 (11 LT, 12 TL, 2 TH)]

2.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh

2.1.1. Cơ sở xuất hiện

2.1.2. Đặc điểm sáng tác

2.1.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

2.2. Kiểu tác giả văn học Thiền sư

2.2.1. Cơ sở xuất hiện

2.2.2. Đặc điểm sáng tác

2.2.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

2.3. Kiểu tác giả văn học nhà nho

2.3.1. Cơ sở xuất hiện

2.3.2. Đặc điểm sáng tác

2.3.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

Chương 3. So sánh loại hình tác giả văn học [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]

3.1. So sánh các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam

3.1.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh với tác giả nhà nho

3.1.2. Kiểu tác giả Thiền sư với tác giả nhà nho

3.2. So sánh các kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc

3.2.1. Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học dân gian

3.2.2. Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học hiện đại

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X		
Tự học	X	X	
Thảo luận	X	X	
Thực hành	X		X
Hướng dẫn		X	
Hoạt động nhóm	X	X	
Nghiên cứu tình huống		X	X
Chuyên đề			X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Ngọc Vương (1999), *Loại hình học tác giả văn học - Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2]. Biện Minh Điền (2015), *Loại hình văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Vinh.

M5b. Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại/ The process of modern Vietnamese literature from the perspective of genre

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)

- Mã học phần: INV106

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức lý thuyết cơ bản về tiến trình văn học, thể loại văn học; kiến thức hệ thống, chuyên sâu về sự hình thành, vận động, phát triển của thể loại văn học hiện đại Việt Nam qua các giai đoạn; những tác động từ điều kiện khách quan, chủ quan đến sự hình thành, vận động phát triển của các thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại; những đặc điểm thể loại của mỗi chặng vận động; những thành công và giới hạn của các thể loại cơ bản trong tiến trình văn học hiện đại Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại: hiểu, trình bày, giải thích được các khái niệm *Tiến trình văn học*, *Thể loại văn học*; các thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại; quá trình hình thành, vận động phát triển của các thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại; những đặc điểm của mỗi chặng; những thành công và hạn chế; qua đó thấy được thể loại là một tiêu chí quan trọng để phân kì văn học, thấy được các đặc điểm, thành tựu của mỗi chặng vận động và phát triển của văn học hiện đại Việt Nam.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy Ngữ văn ở các bậc trung học và phần văn học Việt Nam hiện đại ở bậc giáo dục chuyên nghiệp; có kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp về tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại, cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, có tinh thần sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với văn học hiện đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học thông hiểu các khái niệm *Tiến trình*, *Tiến trình văn học*, *Thể loại văn học*.

- CLO2: Người học có kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về hệ thống thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại: quá trình vận động, những đặc điểm cơ bản...; có cái nhìn so sánh trong tiếp cận thể loại văn học hiện đại.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về thể loại để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc thể loại văn học Việt Nam hiện đại

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung [20 (10 LT, 8 TL, 0 TH)]

1.1. Khái niệm, thuật ngữ

1.1.1. *Tiến trình văn học*

1.1.2. Phân biệt *Tiến trình văn học* và *Lịch sử văn học*

1.1.3. *Thể loại văn học*

1.1.4. Thể loại văn học hiện đại

1.2. Các quy luật vận động của tiến trình văn học

1.2.1. Quy luật *giao lưu*, *ảnh hưởng* giữa các hiện tượng văn học

1.2.2. Quy luật *kế thừa*, *cách tân* nghệ thuật

1.2.3. Quy luật *không lặp lại* của nghệ thuật

1.3. Một số căn cứ để phân kỳ tiến trình văn học

1.3.1. Phân kỳ dựa theo phong cách sáng tác

1.3.2. Phân kỳ dựa theo loại hình thi pháp

1.3.3. Phân kỳ dựa theo phương pháp/khuynh hướng sáng tác

1.3.4. Phân kỳ dựa theo sự hình thành, phát triển, tương tác giữa các thể loại

Chương 2. Giai đoạn hình thành các thể loại văn học hiện đại trong nền văn học Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến 1945) [24 (10 LT, 12 TL, 2 TH)]

2.1. Kiền kiện lịch sử, xã hội, văn hóa của sự ra đời các thể loại văn học hiện đại

2.1.1. Cuộc xâm lược của thực dân Pháp

2.2.2. Sự thay đổi của hình thái kinh tế - xã hội

2.2.3. Những điều kiện mới về văn hóa

2.2. Sự vận động nội tại của văn học

- 2.2.1. Văn học vận động theo hướng hiện đại hóa, thoát ly hệ hình trung đại
- 2.2.2. Tiếp thu nhiều ảnh hưởng tích cực từ văn học nước ngoài, nhất là văn học Pháp
- 2.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học
 - 2.3.1. Hình thành được một hệ thống thể loại văn học hiện đại
 - 2.3.2. Nền văn học đạt được nhiều thành tựu ở các thể loại văn học hiện đại

Chương 3. Sự vận động của thể loại văn học hiện đại trong điều kiện văn học thực hiện nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc (từ 1945 đến 1975) [24 (10 LT, 12 TL, 2 TH)]

- 3.1. Những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội tác động đến văn học
 - 3.1.1. Văn học vận động và phát triển trong điều kiện chiến tranh
 - 3.1.2. Văn học có nhiệm vụ trở thành mặt trận tư tưởng trong đấu tranh cách mạng
- 3.2. Sự vận động nội tại của văn học
 - 3.2.1. Kế thừa thành tựu về thể loại của văn học giai đoạn trước
 - 3.2.2. Xuất hiện một số thể loại mới trong bối cảnh đặc thù
- 3.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học
 - 3.3.1. Khuynh hướng sử thi trong một số thể loại văn học cơ bản
 - 3.3.2. Những hiện tượng mang tính cách tân thể loại

Chương 4. Sự phát triển của các thể loại văn học hiện đại trong bối cảnh đổi mới và hội nhập thế giới (từ sau 1975) [24 (10 LT, 12 TL, 2 TH)]

- 4.1. Những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội tác động đến văn học
 - 4.1.1. Chiến tranh kết thúc, đất nước bước vào thời kỳ hậu chiến đầy khó khăn
 - 4.1.2. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và chủ trương đổi mới
 - 4.1.3. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập thế giới
- 4.2. Sự vận động nội tại của văn học
 - 4.2.1. Kế thừa thành tựu về thể loại của các giai đoạn trước
 - 4.2.2. Tiếp thu rộng rãi các lý thuyết thể loại của các nền văn học tiên tiến
- 4.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học
 - 4.3.1. Thể loại văn học có sự phát triển phong phú, đa dạng
 - 4.3.2. Nhiều thể loại văn học hiện đại đạt được thành tựu nổi bật

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	x
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Phan Cự Đệ (2005), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Sách đã được tái bản nhiều lần.

[2]. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

[3]. Trần Đình Sử (chủ biên) (2021), *Lược sử văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

M6a. Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI/ School literature in the perspective of innovating elementary and secondary education in the world in the 21st century

- Số tín chỉ: 03 (LT27, TH18, TL18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Mã học phần: INV107

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cập nhật, bổ sung kiến thức khái quát về xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI; kiến thức hiện đại, nâng cao về bản

chất, ý nghĩa của văn chương, vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước; định hướng những vấn đề cần tập trung khai thác để giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, cá tính HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và yêu cầu phát triển của xã hội, thời đại.

Học phần phát triển năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện được các đề tài khảo sát, nghiên cứu về thực trạng chương trình và PPDH đọc văn trong nhà trường; đề xuất được các giải pháp khai thác khả năng của văn học trong việc giáo dục HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phát triển khả năng khái quát, phân tích các xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI; những vấn đề thời sự về bản chất, ý nghĩa của văn chương, vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh;

- CO2: Phát triển khả năng khảo sát, đánh giá thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; xác định được những thuận lợi, khó khăn; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước;

- CO3: Phát triển khả năng xác định và lựa chọn những vấn đề cần tập trung khai thác để giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, cá tính HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và yêu cầu phát triển của xã hội, thời đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI, phát biểu được quan điểm riêng về vai trò của văn học nhà trường đối với việc giáo dục HS;

- CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới;

- CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS;

- CLO4: Đề xuất được các giải pháp đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông; phát hiện và đề xuất được các vấn đề nghiên cứu góp phần khai thác hiệu quả khả năng giáo dục HS thông qua văn học đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Bối cảnh giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam [13 tiết (LT7, TH3, TL3)]

- 1.1. Sự phát triển của khoa học công nghệ và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam
- 1.2. Bốn trụ cột của giáo dục thế giới thế kỉ XXI và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam
- 1.3. Lí thuyết về đa dạng trí thông minh và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam
- 1.4. Môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam trước bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới

Chương 2: Đặc trưng, bản chất và con đường tác động của văn chương đối với bạn đọc - học sinh [13 tiết (LT7, TH3, TL3)]

- 1.1. Bối cảnh văn hóa, xã hội hiện nay
- 1.2. Bản chất, ý nghĩa của văn chương
- 1.3. Đặc điểm tác động của văn chương đối với người đọc
 - 1.3.1. Con đường tác động
 - 1.3.2. Cơ chế chuyển hóa
 - 1.3.3. Cường độ tác động của văn chương

Chương 3: Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học nhà trường với đời sống xã hội và đời sống của cá nhân học sinh [17 tiết (LT7, TH5, TL5)]

- 2.1. Khái niệm văn học và văn học trong nhà trường
 - 2.1.1. Khái niệm văn học
 - 2.1.2. Khái niệm văn học trong nhà trường
- 2.2. Tác phẩm văn học và tác phẩm văn học trong nhà trường
- 2.3. Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội
 - 2.3.1. Mối quan hệ và khoảng cách giữa nội dung CT, SGK phần Văn và đời sống xã hội
 - 2.3.2. Mối quan hệ và khoảng cách giữa nội dung CT, SGK phần Văn và tâm lí, hứng thú của HS
 - 2.3.3. Mối quan hệ và khoảng cách giữa PPDH của giáo viên và nhu cầu khám phá sáng tạo của HS
 - 2.3.4. Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học nhà trường và quan niệm của xã hội về vai trò, vị trí của môn Ngữ văn
- 2.4. Tính phức tạp của môn Ngữ văn và lao động dạy Văn trong nhà trường

Chương 4: Sức mạnh và sứ mạng của văn học nhà trường trong bối cảnh đất nước hiện nay [20 tiết (LT10, TH5, TL5)]

- 3.1. Tiềm năng và vị thế của Việt Nam hiện nay
- 3.2. Giáo dục HS những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam thông qua văn học
- 3.3. Giáo dục HS nhận thức những điểm yếu của lớp trẻ và con người Việt Nam thông qua văn học
- 3.4. Phát triển trí tuệ xúc cảm (EQ) cho HS qua dạy học Văn
- 3.5. Phát triển chỉ số vượt khó (AQ) cho HS qua dạy học Văn
- 3.6. Phát triển kĩ năng tư duy cho HS qua dạy học Văn
 - 3.6.1. Phát triển kĩ năng tư duy phê phán cho HS qua dạy học Văn
 - 3.6.2. Phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học Văn

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	x	x
Vấn đáp	X	X	x	x
Tự học	X	X	x	x
Thảo luận	X	X	x	x
Thực hành	X	X	x	x
Hướng dẫn			x	x
Hoạt động nhóm		X	x	x
Nghiên cứu tình huống			x	x
Chuyên đề				
Đồ án			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-4	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Phan Trọng Luận (2008), *Văn học nhà trường - nhận diện, tiếp cận, đổi mới*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Phan Trọng Luận (2011), *Văn học nhà trường - những điểm nhìn*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Tzvetan Todorov (2011), *Văn chương lâm nguy* (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học.

[2]. Nguyễn Thanh Hùng (2021), *Lí luận và PP dạy học Văn - Cội nguồn, bản sắc, giá trị*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

M6b. Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông/Global trends in language research and Vietnamese language teaching in high schools

- Số tín chỉ: 03 (LT27, TH18, TL18)

- Mã học phần: INV108

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành về ngôn ngữ, lí luận văn học, văn học

1. Mô tả học phần

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu về ngôn ngữ nói chung, Việt ngữ học nói riêng trong mối quan hệ với xu hướng nghiên cứu về ngôn ngữ quốc tế và việc dạy

tiếng Việt trong nhà trường đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục. Trên cơ sở đó, học viên có khả năng vận dụng thành quả nghiên cứu ngôn ngữ học quốc tế vào dạy học tiếng Việt theo chương trình, Sách giáo khoa mới, nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh phổ thông theo hướng hiện đại.

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích và lí giải được những vấn đề lí luận về ngôn ngữ quốc tế, Việt ngữ học, từ đó có khả năng vận dụng năng lực này vào thực tế dạy học tiếng Việt ở phổ thông hiện nay

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích những vấn đề cơ bản về xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ở Quốc tế, xu hướng nghiên cứu Việt ngữ học và xác định rõ mối quan hệ của những xu hướng nghiên cứu này với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay.

- CO2: Phát triển năng lực tiếp cận tiếng Việt ở nhà trường theo định hướng đổi mới, chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ và hình thành được hệ thống năng lực ngôn ngữ cho học sinh.

- CLO3: Vận dụng thành tựu của ngôn ngữ học quốc tế để dạy học tiếng Việt trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngôn ngữ học hiện đại nói riêng và yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Xác định, phân tích và đánh giá được bối cảnh thời đại, thành tựu mới của nghiên cứu ngôn ngữ và Việt ngữ học, sự tác động của những yếu tố này đến đổi mới dạy học tiếng Việt trong nhà trường.

- CLO2: Phát triển khả năng tiếp cận năng lực trong dạy học tiếng Việt. Đó chính là sự hiểu biết về năng lực, các thành phần cấu trúc năng lực ngôn ngữ, hệ thống năng lực ngôn ngữ cần hình thành cho HS trong dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông

- CLO3: Vận dụng những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ của thế giới để tiếp cận, xây dựng nội dung, phương pháp, kiểm tra - đánh giá trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông.

- CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng nội dung học phần vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

1.1. Bối cảnh thời đại

1.1.1. Sự phát triển của xã hội

1.1.2. Sự phát triển của người học

1.1.3. Xu thế quốc tế về giáo dục

1.2. Thành tựu mới của nghiên cứu ngôn ngữ và Việt ngữ học

1.2.1. Thành tựu mới của nghiên cứu ngôn ngữ trên thế giới và khu vực

1.2.2. Thành tựu mới của nghiên cứu Việt ngữ học.

1.2.3. Xu hướng đổi mới của việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường.

Chương 2: Tiếp cận năng lực trong dạy học tiếng Việt ở nhà trường [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

2.1. Các quan niệm về năng lực; cấu trúc năng lực

2.1.1. Định nghĩa năng lực

2.1.2. Cấu trúc năng lực, năng lực ngôn ngữ

2.1.3. Hệ thống năng lực ngôn ngữ cần hình thành cho HS trong dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông

2.2. Thực hành phân tích bối cảnh đổi mới nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay

Chương 3: Đổi mới dạy học tiếng Việt theo xu thế mới về nghiên cứu ngôn ngữ [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

3.1. Đổi mới nội dung dạy học tiếng Việt theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ trong chương trình môn Ngữ văn

3.1.1. Xây dựng nội dung dạy học tiếng Việt theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ

3.1.2. Phát triển chương trình môn Ngữ văn theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt trong nhà trường theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ

3.2.1. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo những thành tựu nghiên cứu mới về ngôn ngữ

3.2.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá tiếng Việt trong nhà trường theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	x	x
Tự học	X	X	x	x
Thảo luận	X	X	x	x
Thực hành	X	X	x	x
Hướng dẫn			x	x
Hoạt động nhóm	X	X	x	
Nghiên cứu tình huống			x	x
Chuyên đề				
Đồ án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-4	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO2-4	50%
Thang điểm				10

ky

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1] Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn*, Nxb Đại học Sư phạm.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bùi Minh Toán (2002), *Tiếng Việt ở trường THPT*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

M7. Tam giáo và văn học trung đại Việt Nam/ Three religions and Vietnamese medieval literature

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)
- Mã học phần: INV218
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần vận dụng những kiến thức cơ bản về các hệ tư tưởng Nho - Phật - Lão để nghiên cứu văn học trung đại, tìm hiểu sự ảnh hưởng của nó trong đời sống tinh thần con người nói chung và trong sáng tác văn chương thời trung đại nói riêng. Bao gồm quá trình du nhập, sự ảnh hưởng của tam giáo đối với văn học trung đại. Từ đó có những định hướng đúng trong quá trình tiếp cận và nghiên cứu văn học trung đại theo những tính chất đặc thù.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức chuyên sâu về những đặc điểm của Nho, Phật, Lão: quá trình hình thành phát triển, những nội dung cơ bản của từng tôn giáo. Trên cơ sở đó, người học hiểu, trình bày, giải thích những ảnh hưởng của các tư tưởng tam giáo đối với nền văn học trung đại Việt Nam; có thể vận dụng được những kiến thức chung và những đặc trưng về từng tôn giáo để phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học trung đại tiêu biểu.

- CO2: Người học có được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy tác giả văn học, tác phẩm văn học dưới góc độ tiếp thu, ảnh hưởng tam giáo; có kỹ năng vận dụng sự hiểu biết về tư tưởng Nho, Phật, Lão để giải quyết các vấn đề liên quan tới tam giáo trong tiến trình văn học trung đại.

- CO3: Người học có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo khi vận dụng những kiến thức về tam giáo trong nghiên cứu văn học. Học viên biết phân biệt những đặc điểm riêng của từng tôn giáo trong nền văn hóa dân tộc; tiếp thu và phát huy các giá trị đạo đức của tam giáo trong các tác phẩm văn học trung đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học thông hiểu khái niệm tam giáo, nhận diện và hệ thống hóa được từng tôn giáo trong các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

- CLO2: Người học có khả năng nhận định, đánh giá và có những phát hiện mới về những tiếp thu, ảnh hưởng của tam giáo trong tiến trình văn học trung đại.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về tam giáo để nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Tam giáo đồng nguyên - Khái niệm và nguồn gốc [12 (6 LT, 6 TL, 0 TH)]

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm Tam giáo

1.1.2. Khái niệm *Tam giáo đồng nguyên*

1.2. Nguồn gốc

1.2.1. Ảnh hưởng tư tưởng văn hóa khu vực

1.2.2. Quan niệm văn hóa dân gian

Chương 2. Nho giáo và ảnh hưởng, tiếp thu Nho giáo trong văn học trung đại Việt Nam [17 (7 LT, 8 TL, 2 TH)]

2.1. Đại cương về Nho giáo

2.1.1. Khái niệm Nho giáo

2.1.1. Khái quát quá trình phát triển

2.1.1.1. Nho giáo ở Trung Quốc

2.1.1.2. Nho giáo vào Việt Nam

2.1.2. Những nội dung cơ bản của Nho giáo

2.1.2.1. Vũ trụ quan

2.1.2.2. Nhân sinh quan

2.2. Ảnh hưởng và tiếp thu Nho giáo trong văn học trung đại Việt Nam

2.2.1. Về quan điểm văn học

2.2.1.1. Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí

2.2.1.2. Quan niệm văn chương cao cả và thấp hèn

2.2.2. Về nội dung sáng tác

2.2.2.1. Tư tưởng thiên mệnh

2.2.2.2. Tư tưởng nhân nghĩa

2.2.2.3. Tư tưởng thân dân

Chương 3. Phật giáo và ảnh hưởng, tiếp thu Phật giáo trong văn học trung đại Việt Nam [17 (7 LT, 8 TL, 2 TH)]

3.1. Đại cương về Phật giáo

3.1.1. Khái niệm Phật giáo

3.1.2. Khái quát quá trình phát triển

3.1.2.1. Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc

3.1.2.2. Phật giáo ở Việt Nam

3.1.3. Những nội dung cơ bản của Phật giáo

3.1.3.1. Vũ trụ quan

3.1.3.2. Nhân sinh quan

3.2. Ảnh hưởng và tiếp thu Phật giáo trong văn học trung đại Việt Nam

3.2.1. Về văn học Thiền tông thời Lí - Trần

3.2.2. Ảnh hưởng và tiếp thu Phật giáo ở một số tác giả, tác phẩm văn học lớn

Chương 4. Đạo giáo và ảnh hưởng, tiếp thu Đạo giáo trong văn học trung đại Việt Nam [17 (7 LT, 8 TL, 2 TH)]

- 4.1. Đại cương về Đạo giáo
- 4.1.1. Khái niệm Đạo giáo
- 4.1.1.1. Khái quát quá trình phát triển
- 4.1.1.1.1. Đạo giáo ở Trung Quốc
- 4.1.1.1.2. Đạo giáo ở Việt Nam
- 4.1.2. Những nội dung cơ bản của Đạo giáo
- 4.1.2.1. Quan điểm vô vi
- 4.1.2.2. Quan điểm thanh tĩnh nhân lạc
- 4.2. Ảnh hưởng và tiếp thu Đạo giáo ở một số tác giả, tác phẩm văn học lớn
- 4.2.1. Về tư tưởng Lão - Trang
- 4.2.2. Ảnh hưởng và tiếp thu Đạo giáo ở một số tác giả, tác phẩm văn học lớn

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		x
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận/ thuyết trình/ vấn đáp	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Đăng Na (2021), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm (tái bản), Hà Nội.

M8. Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam/Vietnamese Medieval Narrative Prose-process and characteristics of genres

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)

- Mã học phần:

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, bao gồm: Các vấn đề lý luận về thể loại, các chặng đường vận động, phát triển và thành tựu của văn xuôi tự sự trung đại; đặc điểm và vị trí của thể loại trong hệ thống thể loại văn học trung đại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, qua đó thấy rõ đặc điểm của văn xuôi tự sự trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về văn học trung đại Việt Nam và đưa ra được giải pháp xử lý các vấn đề về văn học trung đại một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề về văn học trung đại Việt Nam.

- CO3. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến/kết luận mang tính chuyên gia về văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam; tự định hướng và dẫn dắt người khác nghiên cứu các vấn đề về văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Hiểu và ghi nhớ được các kiến thức lý thuyết và thực tế về văn xuôi tự sự trung đại và việc vận dụng những kiến thức về văn xuôi tự sự để nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tế về văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam vào việc phân tích các tác giả và tác phẩm tiêu biểu trong nền văn học Việt Nam.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các hiện tượng cụ thể của văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam.

- CLO4. Sáng tạo các thông tin/giá trị mới trong nghiên cứu văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam thông qua việc thực hiện các chuyên đề/đề án.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Khái lược về văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam [3 LT, 3 BT-TL, 0 TH]

1.1. Những tư tưởng lớn ảnh hưởng đến văn học

1.1.1. Các hệ tư tưởng lớn

1.1.2. Tiếp thu các yếu tố văn hóa, văn học dân gian

1.2. Khái quát các chặng đường phát triển của văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

1.2.1. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV

1.2.2. Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII

1.2.3. Từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX

Chương 2. Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV [7 LT, 8 BT-TL, 1 TH]

2.1. Cơ sở hình thành

2.1.1. Về lịch sử xã hội

2.1.2. Về văn hóa, văn học

2.2. Hệ thống thể loại văn xuôi tự sự

2.2.1. Chiếu

2.2.2. Biểu

2.2.3. Hịch

2.2.4. Văn bia, Tự, Bạt

2.3. Đặc điểm của văn xuôi tự sự từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV

2.3.1. Nhìn từ phương diện nội dung phản ánh

2.3.2. Nhìn từ phương diện nghệ thuật thể hiện

2.4. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Chương 3. Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII [7 LT, 8 BT-TL, 1 TH]

3.1. Cơ sở hình thành

3.1.1. Về lịch sử xã hội

3.1.2. Về văn hóa, văn học

3.2. Sự hình thành một số thể loại mới

3.2.1. Cáo

3.2.2. Văn luận chiến bang giao

3.2.3. Truyện truyền kì

3.2.4. Kí

3.3. Đặc điểm của văn xuôi tự sự từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII

3.3.1. Nhìn từ phương diện nội dung phản ánh

3.3.2. Nhìn từ phương diện nghệ thuật thể hiện

3.4. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Chương 4. Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX [7 LT, 8 BT-TL, 1 TH]

4.1. Cơ sở hình thành

4.1.1. Về lịch sử xã hội

4.1.2. Về văn hóa, văn học

4.2. Sự hình thành một số thể loại mới

- 4.2.1. Tiêu thuyết chương hồi
 4.2.2. Văn tế
 4.3. Đặc điểm của văn xuôi tự sự từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX
 4.3.1. Nhìn từ phương diện nội dung phản ánh
 4.3.2. Nhìn từ phương diện nghệ thuật thể hiện
 4.4. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Chương 5. Thành tựu của văn xuôi tự sự trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam [3 LT, 3 BT-TL, 3 TH]

- 5.1. Sự phong phú về đề tài, nội dung phản ánh
 5.2. Sự phong phú về nghệ thuật thể hiện
 5.3. Đóng góp của thể loại trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam
 5.4. Thực hành phân tích một số tác phẩm tiêu biểu

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x	x	x
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	x
Thực hành	x	x	x
Hướng dẫn			x
Hoạt động nhóm	x	x	x
Nghiên cứu tình huống			x
Chuyên đề			x

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị:

Phòng học vừa đủ rộng để chia nhóm thảo luận; có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

- [1]. Nguyễn Đăng Na, *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, Ba tập (Tập 1: Truyện ngắn (1997); Tập hai: Kí (2001); Tập ba: Tiểu thuyết chương hồi (2000), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [2]. Nguyễn Đăng Na (2006), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
 [3]. Trần Đình Sử (2005), *Thi pháp văn học trung đại*, Nhà xuất Đại học Quốc gia, Hà Nội.

M9. Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại/ Modern Vietnamese novels

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)
- Mã học phần: INV219
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam, bao gồm: Các vấn đề lí luận về thể loại, các chặng đường vận động, phát triển và thành tựu của tiểu thuyết hiện đại (nửa đầu thế kỷ XX, giai đoạn 1945-1975, giai đoạn từ sau 1975); vị trí của thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam, qua đó thấy rõ hơn vị trí của thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam và đưa ra được giải pháp xử lý các vấn đề về tiểu thuyết hiện đại một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.

- CO3. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến/kết luận mang tính chuyên gia về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại; tự định hướng và dẫn dắt người khác nghiên cứu các vấn đề về tiểu thuyết.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Hiểu và ghi nhớ được các kiến thức lý thuyết và thực tế về tiểu thuyết hiện đại và tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tế về tiểu thuyết vào việc phân tích các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, các vấn đề của thể loại trong nền văn học Việt Nam.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các hiện tượng cụ thể của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.

- CLO4. Sáng tạo các thông tin/giá trị mới về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại thông qua việc thực hiện các chuyên đề/đề án.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Quan niệm về tiểu thuyết và sự hình thành tiểu thuyết hiện đại [3 LT, 4 BT-TL, 20 TH]

- 1.1. Quan niệm về tiểu thuyết
 - 1.1.1. Quan niệm về tiểu thuyết ở phương Đông
 - 1.1.2. Quan niệm về tiểu thuyết ở phương Tây
- 1.2. Đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết hiện đại
 - 1.2.1. Tiểu thuyết là thể loại tự sự cỡ lớn
 - 1.2.2. Tiểu thuyết khám phá con người từ góc độ đời tư
 - 1.2.3. Tiểu thuyết là thể loại mang tinh thần dân chủ cao
 - 1.2.4. Tiểu thuyết có khả năng tổng hợp nhiều thể loại văn học khác
- 1.3. Sự hình thành tiểu thuyết hiện đại
 - 1.3.1. Điều kiện xuất hiện tiểu thuyết hiện đại
 - 1.3.2. Quá trình hình thành tiểu thuyết hiện đại

Chương 2. Sự hình thành tiểu thuyết hiện đại trong nền văn học Việt Nam [4 LT, 5 BT-TL, 20 TH]

- 2.1. Bối cảnh và điều kiện hình thành tiểu thuyết hiện đại trong nền văn học Việt Nam
 - 2.1.1. Môi trường đô thị và những tiền đề về kinh tế, xã hội, văn hóa
 - 2.1.2. Đổi mới tư duy sáng tác và tiếp nhận văn học
 - 2.1.3. Tiếp thu ảnh hưởng văn học phương Tây
 - 2.1.4. Kế thừa văn học truyền thống của dân tộc
- 2.2. Mầm mống đầu tiên của tiểu thuyết hiện đại - *Thầy Lazaro Phiền* (Nguyễn Trọng Quản)
- 2.3. Các bước hình thành thể loại
 - 2.3.1. Mô phỏng, phóng tác các loại hình tự sự truyền thống
 - 2.3.2. Phóng tác truyện của nước ngoài
 - 2.3.3. Thoát thai những ảnh hưởng, vay mượn

Chương 3. Ba mươi năm đầu thế kỷ XX: Tiểu thuyết đạt những thành tựu bước đầu [5 LT, 6 BT-TL, 20 TH]

- 3.1. Tiêu chí xác định tiểu thuyết
 - 3.1.1. Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự bằng hình thức văn xuôi
 - 3.1.2. Tiểu thuyết là những tác phẩm có dung lượng khá lớn
 - 3.1.3. Tiểu thuyết là những tác phẩm có kết cấu cốt truyện hoàn chỉnh
- 3.2. Quan niệm về tiểu thuyết và diện mạo thể loại
- 3.3. Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết
- 3.4. Một số tác giả tiêu biểu

Chương 4. Giai đoạn 1930-1945: Tiểu thuyết được hiện đại hóa, phát triển mạnh và xác lập nhiều đỉnh cao [5 LT, 7 BT-TL, 25 TH]

- 4.1. Sự hình thành lý luận về thể loại
 - 4.1.1. Quan niệm của Thạch Lam
 - 4.1.2. Quan niệm của Vũ Bằng
- 4.2. Diện mạo và thành tựu tiểu thuyết
 - 4.2.1. Tiểu thuyết theo khuynh hướng lãng mạn
 - 4.2.2. Tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực
 - 4.2.3. Một số khuynh hướng tiểu thuyết khác
- 4.3. Một số tác giả tiêu biểu

Chương 5. Giai đoạn từ 1945 đến 1975: Tiểu thuyết vận động theo khuynh hướng riêng ở hai khu vực văn học [5 LT, 7 BT-TL, 25 TH]

5.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội của tiểu thuyết

5.2. Diện mạo thể loại

5.2.1. Giai đoạn 1945-1954: chuyển biến theo hướng dung hợp với sử thi

5.2.2. Giai đoạn 1954-1975

5.2.2.1. Tiểu thuyết sử thi nở rộ trong khu vực văn học cách mạng

5.2.2.2. Tiểu thuyết tiếp thu ảnh hưởng Âu - Mỹ trong các đô thị miền Nam

5.3. Một số tác giả tiêu biểu

Chương 6. Giai đoạn từ sau 1975 đến nay: tiểu thuyết đổi mới, đa dạng, nhiều thành tựu [5 LT, 7 BT-TL, 25 TH]

6.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội và nhu cầu đổi mới tiểu thuyết so với giai đoạn trước

6.2. Những thành tựu bước đầu của “đêm trước đổi mới” (1975-1985)

6.3. Những đổi mới mạnh mẽ của tiểu thuyết từ sau 1986

6.4. Một số tác giả tiêu biểu

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành, hướng dẫn, nghiên cứu đề án/chuyên đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Phan Cự Đệ (2003), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (Tái bản lần thứ tư), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Lê Tú Anh (2012), *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930* (Chuyên luận), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[3]. Bùi Việt Thắng (2019), *Thi pháp tiểu thuyết hiện đại* (Tiểu luận - Phê bình), Nxb Thanh niên, TP Hồ Chí Minh.

M10. Thơ Việt Nam hiện đại/ Modern Vietnamese poetry

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)

- Mã học phần: 1NV224

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu về thể loại, những vấn đề lý luận về tiến trình văn học, tiến trình thơ hiện đại...; từ đó đi sâu nghiên cứu về thơ hiện đại trong nền văn học hiện đại Việt Nam: từ những điều kiện khách quan chi phối quá trình vận động, phát triển đến sự vận động nội tại của chính thể loại; các chặng vận động, những đặc điểm và thành tựu nổi bật; vị trí của thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại; các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học khái quát hóa được những kiến thức chuyên sâu về thơ Việt Nam hiện đại. Cụ thể là: Hiểu được khái niệm thơ hiện đại; lý giải những ảnh hưởng từ điều kiện lịch sử xã hội đến sự vận động của thơ hiện đại; làm rõ các giai đoạn vận động và phát triển trong tiến trình thơ hiện đại; xem xét, tổng hợp các đặc điểm, đặc trưng thi pháp và thành tựu nổi bật của thơ ở từng giai đoạn.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy Ngữ Văn ở các bậc trung học và phần văn học Việt Nam hiện đại ở bậc giáo dục chuyên nghiệp, nhất là giảng dạy các tác gia, tác phẩm thơ; có kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu, tiên tiến về thơ hiện đại cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, ý thức sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với thơ hiện đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học thông hiểu các khái niệm, thuật ngữ, các vấn đề lý thuyết cơ bản liên quan đến tiến trình thơ Việt Nam hiện đại: thơ hiện đại, tiến trình thơ hiện đại,...; những điều kiện khách quan, chủ quan chi phối tiến trình thơ Việt Nam hiện đại

- CLO2: Người học có kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về tiến trình thơ Việt Nam hiện đại: quá trình vận động, những đặc điểm cơ bản, đặc trưng thi pháp, những trường hợp tiêu biểu...; có cái nhìn so sánh trong tiếp cận thơ hiện đại dưới góc nhìn thể loại.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về thể loại để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc thể loại thơ Việt Nam hiện đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề lý luận [11 (6 LT, 5 TL, 0 TH)]

1.1. Các thuật ngữ, khái niệm

1.1.1. Tiến trình văn học

1.1.2. Thơ hiện đại; Thơ hiện đại Việt Nam

1.2. Quan niệm về thơ hiện đại; Những tiêu chí nhận diện

1.2.1. Quan niệm về thơ hiện đại

1.2.2. Những tiêu chí nhận diện

Chương 2. Sự vận động của thơ từ truyền thống đến hiện đại (từ 1900 đến 1945) [17 (7 LT, 8 TL, 2 TH)]

- 2.1. Môi trường xã hội - văn hóa và sự vận động nội tại của thơ
 - 2.1.1. Môi trường xã hội - văn hóa và sự vận động của thơ
 - 2.1.2. Yêu cầu phát triển nội tại của thơ
- 2.2. Những biểu hiện của quá trình hiện đại hóa thơ ca
 - 2.2.1. Thơ Mới - những chuyển đổi về quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mỹ
 - 2.2.2. Thơ mới - một cuộc cách mạng trong thơ ca

Chương 3. Từ sự thay đổi đề tài, cảm hứng sáng tác đến thay đổi kiểu cái tôi trữ tình trong thơ giai đoạn 1945-1975 [17 (7 LT, 8 TL, 2 TH)]

- 3.1. Môi trường xã hội - văn hóa tác động đến sự vận động của thơ
 - 3.1.2. Cách mạng tháng Tám thành công
 - 3.1.3. Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ
- 3.2. Thay đổi cảm hứng sáng tạo
 - 3.2.1. Thay đổi đề tài
 - 3.2.2. Thay đổi quan niệm thẩm mỹ
- 3.3. Thay đổi kiểu cái tôi trữ tình
 - 3.3.1. Từ cái tôi cá nhân đến cái tôi cộng đồng, cái tôi trong cái ta
 - 3.3.2. Cái tôi sử thi như là đỉnh cao của thơ Cách mạng
- 3.4. Những hiện tượng mang tính cách tân

Chương 4. Những nỗ lực đổi mới, cách tân của thơ sau 1975 [18 (7 LT, 9 TL, 2 TH)]

- 4.1. Sự phân cực của kiểu cái tôi
 - 4.1.1. Dư âm sử thi
 - 4.1.2. Thế sự đời tư
 - 4.1.3. Cá nhân, cô đơn
 - 4.1.4. Cái tôi trở về với những giá trị truyền thống
 - 4.1.5. Cái tôi hiện đại chủ nghĩa
- 4.1. Đổi mới, cách tân trên những phương diện nghệ thuật tiêu biểu
 - 4.2.1. Thể loại
 - 4.2.2. Ngôn ngữ

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	x
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận/ thuyết trình/ vấn đáp	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kỳ				
1	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[2]. Mã Giang Lân (2000), *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Vũ Tuấn Anh (1997), *Nửa thế kỉ thơ Việt Nam 1945-1995*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2]. Hồ Thế Hà (2018), *Khoảng lặng thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[3]. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

M11. Văn học và môi trường/ Literature and the environment

- Số tín chỉ: 2 (18 Lý thuyết, 18 Thảo luận, 6 Thực hành)

- Mã học phần: INV227

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, chuyên sâu, cập nhật về vấn đề văn học và môi trường, với những nội dung cơ bản như: tiền đề của mối liên

hệ giữa văn học và môi trường, sự hình thành văn học về môi trường của thế giới và Việt Nam, văn học về môi trường của Việt Nam, vận dụng lý thuyết phê bình sinh thái để nghiên cứu một số trường hợp tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về vấn đề văn học và môi trường. Cụ thể là hiểu, trình bày, giải thích được những vấn đề như: văn học về môi trường được hình thành từ khi nào, trên cơ sở nào; văn học về môi trường ở Việt Nam đã hình thành và phát triển ra sao, thành tựu và đóng góp của mảng văn học này cho đời sống văn học và đời sống xã hội.

- CO2: Người học có kỹ năng nhận biết và vận dụng các kiến thức lí luận, nhất là lí thuyết phê bình sinh thái để nhận diện, phát hiện và nghiên cứu, giảng dạy được những tác phẩm, tác giả viết về môi trường trong văn học Việt Nam.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích, hứng thú đối với văn học hiện đại Việt Nam; quan tâm hơn đến văn học về môi trường và có ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường sống tốt đẹp cho mọi sinh vật.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học thông hiểu các khái niệm, thuật ngữ, các vấn đề lí thuyết cơ bản liên quan đến vấn đề Văn học và môi trường: sinh thái, môi trường, văn học sinh thái/môi trường; cơ sở hình thành văn học về môi trường trên thế giới và ở Việt Nam...

- CLO2: Người học có kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về vấn đề Văn học và môi trường: đặc điểm nội dung/hình thức, những yếu tố thi pháp, sự vận động, đóng góp, những trường hợp tiêu biểu...

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức lí thuyết và thực tiễn để đề xuất, sáng tạo những vấn đề nghiên cứu về Văn học và môi trường; có khả năng cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm liên quan.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Một số vấn đề lí luận và thực tiễn [12 (5 LT, 5 TL, 2 TH)]

1.1. Khái niệm, thuật ngữ

1.1.1. Môi trường (Environment), Môi trường luận (Environmentalism)

1.1.2. Sinh thái (Ecological), Văn học sinh thái (Ecological literature), Phê bình sinh thái (Ecocriticism)

1.1.3. Một số thuật ngữ liên quan khác: Văn học đồng quê (Pastoral), Chủ nghĩa nữ quyền sinh thái (Ecofeminism)

1.2. Tiền đề của mối liên hệ giữa văn học và môi trường/sinh thái

1.2.1. Nguyên tắc phản ánh hiện thực của tác phẩm văn học

1.2.2. Môi trường tự nhiên bị phá vỡ trong bối cảnh phát triển công nghiệp

1.2.3. Những sáng tác đầu tiên của văn học về môi trường

1.3. Đặc điểm của văn học viết về môi trường/sinh thái

1.3.1. Thể hiện mối quan hệ khăng khít giữa con người và tự nhiên

1.3.2. Phơi bày thực trạng môi trường bị hủy hoại

1.3.3. Cảnh báo về những hậu quả của khủng hoảng môi trường

1.3.4. Kêu gọi trở về với thiên nhiên, tụng ca thiên nhiên

1.4. Đặc điểm của phê bình sinh thái

1.4.1. Tìm kiếm mối quan hệ giữa “văn hóa” và “tự nhiên”

1.4.2. Chất vấn tư tưởng đặt con người ở vị trí trung tâm

1.4.3. Tính giải cấu trúc/ hậu cấu trúc luận trong cách viết

Chương 2. Diện mạo và thành tựu của sáng tác văn học về môi trường/sinh thái ở Việt Nam [18 (8 LT, 8 TL, 2 TH)]

2.1. Những mạch ngầm của tinh thần sinh thái trong văn học trước 1975

2.1.1. Trong văn học dân gian

2.1.2. Trong văn học trung đại: Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du...

2.1.3. Trong văn học hiện đại: Thê tài *Truyện đường rừng*, Ngọc Giao, Đoàn Giỏi, Sơn Nam...

2.2. Sự thức tỉnh về ý thức sinh thái và những thành tựu nổi bật từ sau 1975

2.2.1. Khủng hoảng trầm trọng về môi trường sinh thái

2.2.2. Lý thuyết nghiên cứu - phê bình hiện đại được dịch và giới thiệu rộng rãi

2.2.3. Viết về môi trường như một đòi hỏi mang tính thời đại

2.2.4. Một số trường hợp tiêu biểu: Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Tạ Duy Anh, Y Ban, Đỗ Tiến Thụy, Đỗ Bích Thúy, Nguyễn Ngọc Tư, Hà Thị Cẩm Anh...

Chương 3. Tình hình nghiên cứu - phê bình văn học sinh thái ở Việt Nam [12 (5 LT, 5 TL, 2 TH)]

3.1. Thành tựu lý luận

3.1.1. Dịch, giới thiệu lý thuyết Phê bình sinh thái phương Tây

3.1.2. Dịch, giới thiệu lý thuyết Phê bình sinh thái phương Đông

3.2. Thành tựu nghiên cứu - phê bình tác giả, tác phẩm

3.2.1. *Phê bình sinh thái, tiếng nói bản địa - tiếng nói toàn cầu (Ecocriticism: Local and Global voices)* (nhiều tác giả)

3.2.2. *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái* (Trần Thị Ánh Nguyệt - Lê Lưu Oanh)

3.2.3. *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương: Phê bình sinh thái* (Nguyễn Thị Tịnh Thy)

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	x
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%

2	Tham gia thảo luận/ thuyết trình/ vấn đáp	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
1	Viết	Rubric 3 (<i>Kiểm tra viết</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric 4 (<i>Thi viết</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Hoàng Tố Mai (chủ biên) (2017), *Phê bình sinh thái là gì*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

[2]. Nhiều tác giả (2017), *Phê bình sinh thái, tiếng nói bản địa - tiếng nói toàn cầu (Ecocriticism: Local and Global voices)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017), *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương: Phê bình sinh thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thành - Hồ Thế Hà (chủ biên) (2017), *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới (1986-2016) sáng tạo và tiếp nhận*, Nxb Văn học, Hà Nội.

M12a. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam/ *The relationship between Vietnamese folklore and literature*

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)

- Mã học phần: 1NV221

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về văn học Việt Nam, cụ thể là các vấn đề: Các thành tố cấu trúc nền văn học Việt Nam và quy luật vận động của nền văn học, mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết qua các thời kỳ văn học, một số hiện tượng tiêu biểu thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam. Người học có

thể vận dụng các kiến thức này để nghiên cứu tốt hơn các học phần chuyên sâu về văn học Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam qua các thời kỳ văn học, qua đó thấy rõ hơn cấu trúc tổng thể và quy luật vận động của nền văn học.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam và đưa ra được giải pháp xử lý các vấn đề về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam.

- CO3. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những tri thức mới về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam; tự định hướng và dẫn dắt người khác nghiên cứu các vấn đề về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Phân tích được các kiến thức lý thuyết và thực tế về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tế về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết vào việc phân tích các tác giả và tác phẩm cụ thể trong nền văn học Việt Nam.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các hiện tượng cụ thể của mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam.

- CLO4. Sáng tạo các thông tin/giá trị mới về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam thông qua việc thực hiện các tiểu luận.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Cấu trúc tổng thể và cách tiếp cận các bộ phận cấu thành nền văn học Việt Nam [9 LT, 10 BT-TL, 0 TH]

1.1. Cấu trúc tổng thể nền văn học Việt Nam

1.1.1. Văn học dân gian

1.1.2. Văn học viết

1.1.3. Mối quan hệ giữa hai bộ phận cấu thành - nhìn trên nét lớn

1.2. Cách tiếp cận các thành tố của nền văn học

1.2.1. Văn học dân gian - tiếp cận từ góc độ thể loại

1.2.2. Văn học viết - tiếp cận theo tiến trình

Chương 2. Ảnh hưởng văn học dân gian đến văn học Việt Nam thời kỳ trung đại [9 LT, 10 BT-TL, 2 TH]

2.1. Về thể tài

2.2. Về bút pháp

2.3. Về ngôn ngữ

2.4. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Chương 3. Ảnh hưởng văn học dân gian đến văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại [9 LT, 10 BT-TL, 2 TH]

3.1. Về thể tài

3.2. Về bút pháp

3.3. Về ngôn ngữ

3.4. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành, hướng dẫn, nghiên cứu đề án/chuyên đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Kiều Thu Hoạch (2012), *Văn học dân gian người Việt góc nhìn so sánh*, Nxb Lao động, Hà Nội.

[2]. Trần Ngọc Vương (chủ biên) (2015), *Văn học Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XIX - Những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Xuân Kính (2019), *Người Việt trong dòng lịch sử văn hoá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

M12b. Thi pháp văn học trung đại Việt Nam/ Poetics of Vietnamese medieval literature

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)
- Mã học phần: INV222
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần vận dụng những kiến thức cơ bản về lý thuyết thi pháp vào nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam. Tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người, về không gian, thời gian trong văn học đến những đặc thù về thi pháp thể loại, về kiểu tác giả. Trên cơ sở đó, đối sánh những đặc điểm thi pháp của văn học trung đại trong tương quan với thi pháp văn học dân gian và văn học hiện đại.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có được kiến thức chuyên sâu về thi pháp học, các đặc điểm cơ bản của văn học trung đại Việt Nam. Người học hiểu, trình bày, giải thích được quan niệm nghệ thuật về con người, về không gian, thời gian trong văn học trung đại Việt Nam. Xác định và phân loại được hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam. Những tính chất đặc thù của thi pháp văn học trung đại trong tương quan với văn học dân gian, văn học hiện đại.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng sự hiểu biết về thi pháp để phân loại, so sánh các hệ thống thể loại trữ tình, thể tự sự, kiểu loại hình tác giả, quan niệm nghệ thuật về con người, quan niệm về không gian, thời gian.

- CO3: Người học có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức lí thuyết và thực tiễn về thi pháp học trong nghiên cứu và giảng dạy văn học sử. Có ý thức giữ gìn, truyền bá và bảo lưu những giá trị văn chương Việt Nam thời trung đại, đặc biệt là các sáng tác của các nhà thơ, nhà văn hóa lớn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học thông hiểu những khái niệm thi pháp, văn học trung đại; nhận diện và hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến thi pháp văn học trung đại Việt Nam.

- CLO2: Người học có khả năng nhận định, đánh giá, luận giải về những đặc điểm thi pháp của văn học trung đại.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về thi pháp để nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về thi pháp văn học trung đại [20 (8 LT, 10 TL, 2 TH)]

1.1. Khái niệm

1.1.1. Thi pháp

1.1.2. Thi pháp học

1.2. Vấn đề thi pháp văn học trung đại

1.2.1. Khái niệm thời trung đại

1.2.2. Những đặc điểm chung về loại hình văn học trung đại

Chương 2. Quan niệm nghệ thuật trong văn học trung đại Việt Nam [21 (9 LT, 10 TL, 2 TH)]

2.1. Quan niệm nghệ thuật về con người

2.1.1. Con người trong văn học thế kỷ X - XV

2.1.2. Con người trong văn học thế kỷ XVI - XVII

2.1.3. Con người trong văn học thế kỷ XVIII - XIX

2.2. Quan niệm về không gian, thời gian

2.2.1. Thời gian nghệ thuật

2.2.2. Không gian nghệ thuật

Chương 3. Đặc điểm thi pháp hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam [22 (10 LT, 10 TL, 2 TH)]

3.1. Đặc điểm các thể thơ trữ tình

3.1.1. Thơ tự tình

3.1.2. Ngâm khúc

3.1.3. Hát nói

3.2. Đặc điểm phú và các thể văn

3.2.1. Thể phú

3.2.2. Các thể văn

3.3. Đặc điểm các thể truyện, ký

- 3.3.1. Truyện truyền kỳ
- 3.3.2. Tiểu thuyết chương hồi
- 3.3.3. Thể ký, tùy bút
- 3.4. Diễn ca lịch sử và truyện thơ Nôm
 - 3.4.1. Diễn ca lịch sử
 - 3.4.2. Truyện thơ Nôm

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		x
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận/ thuyết trình/ vấn đáp	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Lã Nhâm Thìn (2009), *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

M13a. Thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại/ Medieval Vietnamese Nôm Đường luật poetry

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)
- Mã học phần: INV223
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức chuyên sâu về thơ Nôm Đường luật trong văn học trung đại Việt Nam: khái niệm, các chặng đường phát triển, đặc điểm, tính chất của thơ Nôm Đường luật; các tác gia, tác phẩm tiêu biểu về thơ Nôm Đường luật trong văn học trung đại Việt Nam; vị trí của thơ Nôm Đường luật trong tương quan với thơ Đường luật Hán và trong nền văn học dân tộc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức chuyên sâu về thơ Nôm Đường luật qua các giai đoạn văn học; thấy được sự kế thừa, tiếp nối của thơ Nôm Đường luật cũng như sự tiếp biến, sáng tạo ở các giai đoạn tiếp theo.

- CO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về thơ Nôm Đường luật; có kỹ năng so sánh, hệ thống hóa các tác giả tiêu biểu cho thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại.

- CO3: Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến trong việc vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về thơ Nôm Đường luật để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của văn học trung đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, hệ thống hóa và đánh giá được những vấn đề liên quan đến thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về thơ Nôm Đường luật để giải quyết các vấn đề về tác giả, tác phẩm liên quan đến thể loại văn học này.

- CLO3: Đánh giá, đưa ra các nhận định của cá nhân về thực tiễn thơ Nôm Đường luật trong nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam; xác định vai trò, vị trí của thể loại văn học này.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Khái quát về thơ Nôm Đường luật trung đại Việt Nam [9 LT, 9 BT-TL, 2 TH]

1.1. Định nghĩa thơ Nôm Đường luật

1.2. Cơ sở hình thành thành, phát triển của thơ Nôm Đường luật

- 1.3. Đặc trưng của thơ Nôm Đường luật
- 1.4. Tiến trình phát triển của thơ Nôm Đường luật
 - 1.4.1. Giai đoạn trước thế kỷ XV
 - 1.4.2. Giai đoạn thế kỷ XV
 - 1.4.3. Giai đoạn thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII
 - 1.4.4. Giai đoạn thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX
 - 1.4.5. Giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX.

Chương 2. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu về thơ Nôm Đường luật [10 LT, 12 BT-TL, 2 TH]

- 2.1. Nguyễn Trãi với *Quốc âm thi tập*
 - 2.1.1. Thành tựu nội dung
 - 2.1.2. Thành tựu nghệ thuật
- 2.2. Nguyễn Bình Khiêm với *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*
 - 2.2.1. Thành tựu nội dung
 - 2.2.2. Thành tựu nghệ thuật
- 2.3. Thơ Nôm Bà Huyện Thanh Quan
 - 2.3.1. Thành tựu nội dung
 - 2.3.2. Thành tựu nghệ thuật
- 2.4. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương
 - 2.4.1. Thành tựu nội dung
 - 2.4.2. Thành tựu nghệ thuật
- 2.5. Thơ Nôm Nguyễn Khuyến
 - 2.5.1. Thành tựu nội dung
 - 2.5.2. Thành tựu nghệ thuật
- 2.6. Thơ Nôm Trần Tế Xương
 - 2.6.1. Thành tựu nội dung
 - 2.6.2. Thành tựu nghệ thuật

Chương 3. Vị trí của thơ Nôm Đường luật trong nền văn học dân tộc [8 LT, 9 BT-TL, 2 TH]

- 3.1. Thơ Nôm Đường luật trong tương quan với thơ Đường luật Hán
 - 3.1.1. Thơ Nôm Đường luật tiếp thu ảnh hưởng của thơ Đường luật Hán
 - 3.1.2. Thơ Nôm Đường luật phát triển theo tinh thần dân tộc hóa thể loại
- 3.2. Thơ Nôm Đường luật trong tiến trình văn học
 - 3.2.1. Thơ Nôm Đường luật tạo tiền đề cho sự phát triển thơ ca hiện đại
 - 3.2.2. Thơ Nôm Đường luật tạo nên sự phong phú cho ngôn ngữ dân tộc

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X	X	X
Tự học	X	X	X
Thảo luận	X	X	X
Thực hành	X	X	X
Hướng dẫn			X
Hoạt động nhóm	X	X	X
Nghiên cứu tình huống			X
Chuyên đề			X

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình / thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị:

Phòng học vừa đủ rộng để chia nhóm thảo luận; có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học:***Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc***

[1]. Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (nửa sau thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX)*, NXB Giáo Dục.

[2]. Lã Nhâm Thìn (2009), *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3]. Lê Thị Nương (2020), *Đề tài thôn quê trong thơ trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

M13b. Các khuynh hướng tiếp cận văn học Việt Nam trung đại/ Medieval Vietnamese literature from different perspectives

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)

- Mã học phần:

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về cách thức tiếp cận văn học trung đại Việt Nam, cụ thể là hướng dẫn người học cách tiếp cận các tác phẩm văn học trung đại từ nhiều khía cạnh/quan điểm khác nhau. Trên cơ sở làm rõ các đặc trưng của văn học trung đại, học phần hướng người học tiếp cận từ các góc độ như: tiếp cận Văn học sử, tiếp cận theo thể loại, tiếp cận theo loại hình tác giả, tiếp cận văn hóa.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng về đặc trưng văn học trung đại, qua đó thấy rõ hơn các đặc thù của các khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại Việt Nam.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về đặc trưng văn học trung đại, về các khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại Việt Nam.

- CO3. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến/kết luận mang tính chuyên gia về đặc trưng văn học trung đại, về các khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại Việt Nam; tự định hướng và dẫn dắt người khác giải quyết vấn đề về văn học trung đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Hiểu và ghi nhớ được các kiến thức cơ bản về đặc trưng văn học trung đại, về các khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại Việt Nam.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức văn học trung đại chuyên sâu vào việc phân tích các khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại Việt Nam

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các hiện tượng cụ thể của các khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại Việt Nam.

- CLO4. Sáng tạo các giá trị mới thông qua việc nghiên cứu (bằng hình thức chuyên đề/đề án) các vấn đề về khuynh hướng tiếp cận văn học trung đại.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Đặc trưng văn học trung đại và các khả năng/ tiếp cận văn học trung đại [6 LT, 8 TL-BT, 33 TH]

1.1. Đặc trưng văn học trung đại

1.2. Lược sử tiếp cận văn học trung đại Việt Nam

Chương 2. Tiếp cận văn học trung đại từ góc độ văn học sử [7 LT, 10 TL-BT, 34 TH]

2.1. Khái niệm về văn học sử

2.2. Các phương thức tiếp cận

2.2.1. Tiếp cận từ sự kiện lịch sử

2.2.2. Tiếp cận từ nhân vật lịch sử

2.3. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Chương 3. Tiếp cận văn học trung đại từ góc độ loại hình tác giả [7 LT, 9 TL-BT, 34 TH]

3.1. Khái niệm về loại hình tác giả

3.2. Các phương thức tiếp cận

3.2.1. Tiếp cận loại hình tác giả vua chúa, tướng lĩnh

3.2.2. Tiếp cận loại hình tác giả Thiền sư

3.2.3. Tiếp cận loại hình tác giả nhà nho

3.3. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Chương 4. Tiếp cận văn học trung đại từ góc độ văn hóa [7 LT, 9 TL-BT, 34 TH]

4.1. Khái niệm về văn hóa

4.2. Các phương thức tiếp cận

4.2.1. Tiếp cận con người trong văn học từ góc nhìn văn hóa

- 4.2.2. Tiếp cận con người trong văn học từ góc độ văn hóa ứng xử với thiên nhiên
 4.3.3. Tiếp cận con người trong văn học từ góc độ ứng xử với cộng đồng và cá nhân
 4.3. Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x	x	x
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	x
Thực hành	x	x	x
Hướng dẫn			x
Hoạt động nhóm	x	x	x
Nghiên cứu tình huống			x
Chuyên đề			x

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Nguyễn Đăng Na (2007), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Nho Thìn (2009), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

M14a. Phê bình văn học Việt Nam hiện đại/ Criticism of modern Vietnamese literature

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)
- Mã học phần: INV216
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về Phê bình văn học hiện đại, bao gồm: các vấn đề lý luận về phê bình văn học, sự hình thành môn Phê bình văn học trong văn học hiện đại Việt Nam, các chặng vận động, phát triển và thành tựu phê bình văn học Việt Nam qua các giai đoạn của thời kỳ hiện đại; phân tích một số công trình phê bình/ phong cách phê bình tiêu biểu để giúp người học gia tăng tri thức về nghiên cứu - phê bình văn học, vận dụng vào phê bình các tác giả, tác phẩm văn học có giá trị, tức là giải quyết những vấn đề có tính chất chuyên sâu, phức tạp về phê bình văn học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về phê bình văn học và phê bình văn học Việt Nam hiện đại, qua đó thấy rõ hơn vị trí của thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về phê bình văn học Việt Nam và đưa ra được giải pháp xử lý các vấn đề về phê bình văn học một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề về phê bình văn học Việt Nam.

- CO3. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những kết luận/ sáng kiến mang tính chuyên gia về phê bình văn học; tự định hướng và dẫn dắt người khác nghiên cứu các vấn đề về phê bình văn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Hiểu và ghi nhớ được các kiến thức lý thuyết và thực tế về phê bình văn học và phê bình văn học Việt Nam hiện đại.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tế về phê bình văn học vào việc phê bình tác phẩm/ tác giả, giải quyết được các vấn đề của phê bình văn học.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các hiện tượng cụ thể của phê bình văn học Việt Nam hiện đại.

- CLO4. Sáng tạo các thông tin mới có giá trị về phê bình văn học hiện đại thông qua việc thực hiện các chuyên đề/ đề án nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Những vấn đề lý luận về phê bình văn học (5 LT, 6 TL, 0 TH)

1.1. Phê bình văn học là gì?

1.2. Các dạng thức phê bình văn học

1.2.1. Phê bình báo chí và phê bình học thuật

1.2.2. Phê bình người đọc, phê bình chuyên nghiệp và phê bình nghệ sĩ

1.3. Các phương pháp phê bình văn học

1.3.1. Tiếp cận tác phẩm từ tác giả

1.3.2. Tiếp cận tác phẩm từ văn bản

1.3.3. Tiếp cận tác phẩm từ người đọc

1.3.4. Một số phương pháp phê bình khác

Chương 2. Sự hình thành phê bình văn học hiện đại trong nền văn học Việt Nam (5 LT, 6 TL, 1 TH)

2.1. Tiền đề xuất hiện phê bình văn học trong nền văn học Việt Nam

- 2.1.1. Ảnh hưởng tư tưởng, văn học phương Tây
- 2.1.2. Đời sống văn học phong phú, phức tạp
- 2.1.3. Phê bình đồng hành cùng sáng tác, kiến tạo văn học hiện đại

2.2. Các bước hình thành phê bình văn học trong 30 năm đầu thế kỷ XX

- 2.2.1. Những nhận thức ban đầu về văn học và phê bình văn học
- 2.2.2. Những nỗ lực tạo dựng lí thuyết văn học

Chương 3. Phê bình văn học giai đoạn 1930-1945 (6 LT, 6 TL, 2 TH)

- 3.1. Đời sống phê bình văn học sôi nổi (các cuộc tranh luận văn học)
- 3.2. Một số phương pháp phê bình được vận dụng hiệu quả
- 3.3. Một số thành tựu nổi bật của phê bình văn học giai đoạn 1930-1945

Chương 4. Phê bình văn học giai đoạn 1945-1975 (5 LT, 6 TL, 1 TH)

- 4.1. Phương pháp phê bình chịu ảnh hưởng quan điểm Mác xít
- 4.2. Tiếp nhận nhiều phương pháp phê bình phương Tây
- 4.3. Một số thành tựu nổi bật của phê bình văn học giai đoạn 1945-1975

Chương 5. Phê bình văn học giai đoạn từ 1975 đến nay (6 LT, 6 TL, 2 TH)

- 5.1. Tiếp nhận nhiều lý thuyết và phương pháp phê bình văn học hiện đại thế giới
- 5.2. Phê bình văn học góp phần làm sôi động đời sống văn học
- 5.3. Một số thành tựu nổi bật của phê bình văn học giai đoạn từ 1975 đến nay

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành, hướng dẫn, nghiên cứu đề án/chuyên đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Đỗ Lai Thúy (2011), *Phê bình văn học, con vật lưỡng thể ấy*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[2]. Phan Cự Đệ (chủ biên) (2005), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Nhiều tác giả (2019), *Các lý thuyết và phương pháp văn học*, Nxb Hồng Đức, Tp Hồ Chí Minh.

M14b. Văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam/ Modern and Post-modern Vietnamese literature

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 31 Thảo luận - Bài tập; 5 Thực hành; 135 Tự học)

- Mã học phần: 1NVC08

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết cơ bản, tiên tiến về văn học hiện đại và khuynh hướng/dấu ấn hậu hiện đại Việt Nam, bao gồm: khái niệm văn học hiện đại, hậu hiện đại; cơ sở hình thành và phát triển văn học hiện đại, khuynh hướng hậu hiện đại; kiến thức chuyên sâu, tiên tiến, cập nhật về những giai đoạn phát triển của văn học hiện đại; dấu ấn, cảm thức và khuynh hướng hậu hiện đại trong văn học Việt Nam; các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học hiện đại và khuynh hướng hậu hiện đại.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam; từ đó có cái nhìn so sánh giữa văn học hiện đại và khuynh hướng hậu hiện đại, nhận biết văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam và thế giới.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề về văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam; kỹ năng truyền đạt, thảo luận các vấn đề về văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam một cách khoa học.

- CO3. Có khả năng đề xuất, đưa ra những quan điểm, kết luận mang tính chuyên gia; khả năng nghiên cứu chuyên sâu về văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam; Có năng lực dẫn dắt người khác giải quyết vấn đề về văn học hiện đại và hậu hiện đại

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Hiểu và ghi nhớ được các kiến thức lý thuyết cơ bản về văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam vào việc phân tích những vấn đề cơ bản.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các vấn đề của văn học hiện đại và hậu hiện đại.

- CLO4. Sáng tạo các giá trị mới thông qua việc nghiên cứu (bằng hình thức chuyên đề/dề án) các vấn đề của văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam

4. Nội dung học phần**Chương 1. Một số vấn đề lý luận [3 LT, 3 TL-BT, 0 TH]**

1.1. Khái niệm/cách hiểu/quan điểm/đặc trưng về văn học hiện đại, hậu hiện đại

1.2. Những dấu mốc trong hình thành/vận động/phát triển của văn học hiện đại, hậu hiện đại Việt Nam

Chương 2. Văn học hiện đại Việt Nam - những vấn đề cơ bản [7 LT, 7 TL-BT, 1 TH]

- 2.1. Quá trình hiện đại hóa văn học từ đầu thế kỉ XX đến 1945
- 2.2. Những tìm tòi, cách tân mang tính hiện đại trong văn học giai đoạn từ 1945-1975
- 2.3. Nỗ lực hội nhập văn học hiện đại thế giới trong văn học từ sau 1975

Chương 3. Văn học hậu hiện đại Việt Nam - dấu ấn và khuynh hướng [4 LT, 5 TL-BT, 1 TH]

- 3.1. Dấu ấn hậu hiện đại trong văn học Việt Nam
- 3.2. Khuynh hướng hậu hiện đại

Chương 4. Văn học hiện đại và hậu hiện đại Việt Nam - góc nhìn so sánh [6 LT, 8 TL-BT, 2 TH]

- 4.1. Đặc tính của văn học hiện đại và hậu hiện đại - tương đồng, khác biệt
- 4.2. Cảm quan hiện đại và hậu hiện đại - những lần ranh
- 4.3. Thi pháp hiện đại và hậu hiện đại - những xác tín về nghệ thuật

Chương 5. Các tác giả, tác phẩm hiện đại và hậu hiện đại tiêu biểu trong văn học Việt Nam [7 LT, 7 TL-BT, 2 TH]

- 5.1. Các tác giả, tác phẩm hiện đại tiêu biểu
- 5.2. Các tác giả, tác phẩm hậu hiện đại tiêu biểu

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành, hướng dẫn, nghiên cứu đề án/chuyên đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Dân (2024), *Chủ nghĩa hiện đại trong văn học nghệ thuật*, Nxb Văn học tái bản, Hà Nội.

[2] Lê Huy Bắc (2019), *Văn học hậu hiện đại*, Nxb Văn học, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[3] Phùng Gia Thế (2016), *Văn học Việt Nam sau 1986 - phê bình đối thoại*, Nxb Văn học, Hà Nội.

M15a. Văn học Việt Nam trong mối giao lưu khu vực và thế giới / Vietnamese literature in regional and world exchanges

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết; 30 Thảo luận - Bài tập; 6 Thực hành; 135 Tự học)
- Mã học phần: 1NVC10
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần góp phần trang bị cho người học những kiến thức sâu, rộng, tiên tiến về văn học Việt Nam, về mối giao lưu giữa Việt Nam với khu vực và thế giới trên lĩnh vực văn học, cụ thể là: giao lưu giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Á khác thời trung đại và đầu thế kỷ XX, giao lưu giữa Việt Nam với Pháp trong bối cảnh hiện đại hóa đầu thế kỷ XX, giao lưu giữa Việt Nam với nhiều nước trên thế giới trong thời đại công nghệ và bối cảnh toàn cầu hóa cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về mối giao lưu giữa Việt Nam với khu vực và thế giới trên lĩnh vực văn học, qua đó thấy rõ hơn bản sắc và khả năng giao lưu, tiếp biến của văn học dân tộc cũng như quy luật vận động của văn học (vừa giữ gìn, vừa tiếp biến; vừa truyền thống vừa hiện đại; vừa dân tộc vừa nhân loại).

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá kiến thức về mối giao lưu giữa Việt Nam với khu vực và thế giới trên lĩnh vực văn học và đưa ra được giải pháp xử lý các vấn đề về mối giao lưu văn học một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề về mối giao lưu giữa Việt Nam với khu vực và thế giới trên lĩnh vực văn học.

- CO3. Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến/kết luận mang tính chuyên gia về mối giao lưu giữa Việt Nam với khu vực và thế giới; tự định hướng và dẫn dắt người khác giải quyết vấn đề về giao lưu văn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Hiểu và ghi nhớ được các kiến thức cơ bản về giao lưu văn học Việt Nam và thế giới.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức văn học sử chuyên sâu vào việc phân tích mối giao lưu giữa văn học Việt Nam và thế giới.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về các hiện tượng cụ thể của mối giao lưu giữa văn học Việt Nam và thế giới.

- CLO4. Sáng tạo các giá trị mới thông qua việc nghiên cứu (bằng hình thức chuyên đề/đề án) các vấn đề về giao lưu văn học.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Một số vấn đề lý luận [3 LT, 3 TL-BT, 0 TH]

1.1. Giao lưu văn học

1.2. Những điều kiện của giao lưu văn hóa, văn học

Chương 2. Giao lưu với văn học Trung Quốc thời trung đại [7 LT, 7 TL-BT, 1 TH]

2.1. Điều kiện giao lưu

2.2. Các nội dung giao lưu, tiếp biến

2.2.1. Tiếp thu chữ viết

2.2.2. Tiếp thu các thể loại văn học

2.2.3. Tiếp thu chất liệu văn học và thủ pháp

Chương 3. Giao lưu với văn học các nước khu vực Đông Á thời cận đại [4 LT, 5 TL-BT, 1 TH]

3.1. Điều kiện giao lưu

3.2. Các nội dung giao lưu, tiếp biến

3.2.1. Tiếp nhận Tân thư

3.2.2. Tiếp thu tư tưởng tiến bộ

3.2.3. Đồng hành trên con đường hiện đại hóa văn học

Chương 4. Giao lưu với văn học Pháp cuối thế kỷ XIX đầu XX [6 LT, 8 TL-BT, 2 TH]

4.1. Điều kiện giao lưu

4.2. Các nội dung giao lưu, tiếp biến

4.2.1. Tiếp nhận tư tưởng mới

4.2.2. Tiếp thu thể loại văn học

4.2.3. Tiếp thu chất liệu văn học và phương pháp sáng tác

Chương 5. Giao lưu rộng rãi trong bối cảnh toàn cầu hóa [7 LT, 7 TL-BT, 2 TH]

5.1. Điều kiện giao lưu

5.2. Các nội dung giao lưu, tiếp biến

5.2.1. Tiếp nhận nhiều tư tưởng mới

5.2.2. Tiếp nhận nhiều lý thuyết văn học hiện đại

5.2.3. Dịch, giới thiệu văn học Việt ra thế giới

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành, hướng dẫn, nghiên cứu đề án/chuyên đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình /thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 3 (Kiểm tra tự luận)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đáp án đề thi	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1] Nhiều tác giả (2017), *Việt Nam - Giao lưu văn hóa tư tưởng phương Đông*, Nxb ĐHQG Tp Hồ Chí Minh.

[2] Đức Ninh (1999), *Văn học các nước Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[3] Lộc Phương Thủy (chủ biên) (2007), *Lý luận - phê bình văn học thế giới thế kỉ XX*, 2 tập, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Kiều Thu Hoạch (2012), *Văn học dân gian người Việt góc nhìn so sánh*, Nxb Lao động, Hà Nội.

M15b. Văn học và các loại hình nghệ thuật khác/Literature and other form of Art

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết; 40 Thảo luận - Bài tập; 4 Thực hành; 135 Tự học)

- Mã học phần:

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tế sâu rộng về bản chất, đặc trưng, chức năng của văn học với tư cách là một loại hình nghệ thuật đặc biệt, mối liên hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật khác; từ đó giúp người học có cái nhìn so sánh, cái nhìn liên ngành rộng mở và hiểu sâu sắc hơn tác phẩm văn học, nhất là các tác phẩm văn học Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về văn học như một loại hình nghệ thuật đặc biệt; về mối quan hệ giữa văn học với các loại hình nghệ thuật khác như điện ảnh, sân khấu, hội họa, âm nhạc...; có kiến thức thực tế về những tác phẩm văn học được chuyển thể thành phim, kịch bản sân khấu...

- CO2: Có kỹ năng nhận biết và đánh giá về khả năng giao thoa giữa văn học và nghệ thuật và đặc biệt phân tích, đánh giá về những tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại có sự giao thoa, gắn gũi với các loại hình nghệ thuật; kỹ năng phản biện và giải quyết các vấn đề/chủ đề liên quan đến vấn đề về mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật.

- CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong việc đề xuất, nêu vấn đề nghiên cứu/thuyết trình... về vấn đề mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học thông hiểu và trình bày được các vấn đề lý thuyết cơ bản về bản chất, đặc trưng, chức năng của văn học, của các loại hình nghệ thuật tiêu biểu như điện ảnh, hội họa, âm nhạc...

- CLO2: Người học vận dụng được kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về các vấn đề lý thuyết đó trong đánh giá, nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật.

- CLO3: Người học có khả năng phân tích một số tác phẩm văn học Việt Nam trong mối quan hệ với điện ảnh, sân khấu, hội họa, âm nhạc, đặc biệt những tác phẩm được chuyển thể thành phim.

- CLO4: Người học có khả năng đề xuất, làm chủ những vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về văn học trong mối quan hệ với các loại hình nghệ thuật khác.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Văn học trong mối liên hệ với các loại hình nghệ thuật - nhìn từ lý thuyết	6	4	4		1	15
Chương 2. Văn học với sân khấu, hội họa	8	6	6			25
Chương 3. Văn học với điện ảnh	6	6	4		1	25
Chương 4. Văn học với âm nhạc						
Chương 5. Một số tác phẩm văn học tiêu biểu được chuyển thể thành các loại hình nghệ thuật khác	7	4	6		1	25
Tổng	18	10	10	4	3	90

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	x
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	
Thực hành	x		
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm	x	x	
Nghiên cứu tình huống		x	x
Chuyên đề			x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	30%

Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Lê Lưu Oanh (2006), *Văn học và các loại hình nghệ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[2]. Trường Đại học Hồng Đức (2013), *Lý thuyết phê bình văn học hiện đại (Tiếp nhận và ứng dụng)*, Nxb Đại học Vinh, Vinh.

[3]. Khoa văn học (2013), *Tiếp nhận văn học nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[4] Nguyễn Văn Dân (2015), *Các lý thuyết nghiên cứu văn học - Ảnh hưởng và tiếp nhận từ ngày Đổi mới đến nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

M16. Thực tập/ Internship

- Số tín chỉ: 06

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các học phần chuyên ngành

1. Mô tả học phần

Học phần hướng dẫn học viên vận dụng các kiến thức lý thuyết của các học phần đã học vào việc tìm hiểu, khảo sát, đánh giá thực trạng của cơ sở thực tập; ứng dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vào khảo sát một số lĩnh vực đáp ứng yêu cầu công việc. Cụ thể: Khảo sát và nghiên cứu văn học địa phương Thanh Hóa; khảo sát tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam trong nhà trường phổ thông; khảo sát thực trạng của lĩnh vực, vấn đề của ngành, chuyên ngành đào tạo, nhằm giúp học viên củng cố kiến thức lý thuyết và vận dụng thành thạo vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức thực tế sâu sắc về văn học Việt Nam, kiến thức về việc ứng dụng tri thức khoa học văn học và văn học Việt Nam vào thực tiễn công việc, kiến thức về kết hợp hài hòa giữa lý thuyết/ lý luận và thực tiễn văn học Việt Nam để có thể vận dụng/ứng dụng trong thực hiện Đề án tốt nghiệp.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề về thực tiễn lịch sử văn học Việt Nam, nhất là văn học Việt Nam hiện/đương đại.

- CO3. Có khả năng đề xuất, đưa ra những quan điểm, kết luận mang tính chuyên gia về thực tiễn văn học Việt Nam; khả năng ứng dụng và dẫn dắt người khác ứng dụng các kiến thức lý thuyết nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn của văn học Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1. Nắm vững, phân tích được tình hình thực tế/thực trạng của cơ sở thực tập; thực trạng/ những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam.

- CLO2. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về văn học Việt Nam vào giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn văn học Việt Nam của cơ sở thực tập; những vấn đề cơ bản/mới nảy sinh của văn học Việt Nam, tạo tiền đề cho việc thực hiện tốt đề án tốt nghiệp.

- CLO3. Đánh giá, đưa ra những nhận định của cá nhân về vấn đề liên quan đến chuyên môn văn học Việt Nam của cơ sở thực tập; những vấn đề cơ bản/mới nảy sinh của văn học Việt Nam.

- CLO4. Sáng tạo các giá trị mới thông qua việc ứng dụng kiến thức lý thuyết/lý luận về văn học Việt Nam vào giải quyết các vấn đề liên quan đến văn học Việt Nam của cơ sở thực tập; những vấn đề cơ bản/mới nảy sinh của văn học Việt Nam.

4. Quy trình thực hiện học phần thực tập

- Thực hiện theo Điều 16 (Khoản 5) của Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022.

- Khoa/Bộ môn xây dựng kế hoạch thực tập, danh sách học viên đi thực tập và GVHD, danh sách học viên có nhu cầu cấp giấy giới thiệu đi liên hệ thực tập..., Hồ sơ đề nghị tổ chức thực tập của khoa gửi về Nhà trường qua phòng QLĐT SDH.

- Phòng QLĐT SDH tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập đoàn thực tập (Mục tiêu, thời gian, địa điểm, nội dung thực tập, kế hoạch, danh sách GV hướng dẫn và học viên thực tập...).

- Khoa đào tạo sau đại học tổ chức triển khai thực tập theo Quyết định và kế hoạch đã được phê duyệt, hướng dẫn học viên xây dựng đề cương thực tập, tiến hành các nội dung thực tập, viết báo cáo kết quả thực tập.

- Kết thúc thực tập Khoa/Bộ môn quản lý chuyên ngành đào tạo tổ chức đánh giá kết quả thực tập cho học viên, gửi Báo cáo kết quả thực tập, danh sách điểm thực tập về phòng QLĐT SDH và phòng ĐBCL&KT chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc đợt thực tập.

5. Đánh giá học phần thực tập: Kết thúc đợt thực tập, học viên viết báo cáo thực tập, Bộ môn và Khoa tổ chức đánh giá theo quy định (Bộ môn xây dựng Rubric đánh giá HP thực tập).

M17. Đề án tốt nghiệp/ Graduation project

- Số tín chỉ: 09

- Mã học phần: 8DAVH1

- Bộ môn phụ trách: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 70% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

- Thời gian viết đề án: 3 tháng.

1. Mô tả học phần

Học viên thực hiện đề án nhằm đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình; giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn, thể hiện năng lực ứng dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về khoa học, công nghệ nói chung, kiến thức chuyên ngành Văn học Việt Nam vào giải quyết các vấn đề liên quan đến Văn học Việt Nam của học viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1. Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về văn học Việt Nam, kiến thức về việc ứng dụng tri thức khoa học văn học và văn học Việt Nam vào thực

tiền công việc, kiến thức về kết hợp hài hòa giữa lý thuyết/ lý luận và thực tiễn văn học Việt Nam để có thể vận dụng/ ứng dụng trong công việc, cuộc sống.

- CO2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề về lý luận, thực tiễn lịch sử văn học Việt Nam, nhất là văn học Việt Nam hiện/ đương đại.

- CO3. Có khả năng đề xuất, đưa ra những quan điểm, kết luận mang tính chuyên gia về lý thuyết và thực tiễn văn học Việt Nam; khả năng vận dụng/ ứng dụng và dẫn dắt người khác ứng dụng các kiến thức lý thuyết nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn của văn học Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần (CLO _x)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
Kiến thức		
CLO1	Nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tiễn/ thực tế cơ bản của văn học Việt Nam.	PLO2, PLO3
CLO2	Phân tích, đánh giá, đưa ra được những nhận định của cá nhân về vấn đề liên quan đến chuyên môn văn học Việt Nam; những vấn đề cơ bản/mới nảy sinh của văn học Việt Nam.	PLO3
Kỹ năng		
CLO3	Phân tích, đánh giá, vận dụng thành thạo các kiến thức lý thuyết về văn học Việt Nam vào giải quyết các vấn đề liên quan đến văn học Việt Nam.	PLO2, PLO3
CLO4	Thể hiện được khả năng diễn giải, khả năng ứng dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vào việc sáng tạo các giá trị mới thông qua việc ứng dụng kiến thức lý thuyết/ lý luận về văn học Việt Nam vào giải quyết các vấn đề liên quan đến văn học Việt Nam của cơ sở thực tập; những vấn đề cơ bản/mới nảy sinh của văn học Việt Nam.	PLO3, PLO5, PLO6
CLO5	Kỹ năng viết, trình bày báo cáo đề án	PLO5
Mức tự chủ và trách nhiệm		

Chuẩn đầu ra học phần (CLOx)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
CLO6	Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện; linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê trong công việc.	PLO7, PLO8
CLO7	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với quá trình nghiên cứu đề án cũng như kết quả đề án.	PLO6, PLO7, PLO8

PLO CLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1		✓	✓					
2			✓					
3		✓	✓	✓	✓			
4			✓		✓	✓		
5					✓			
6							✓	✓
7	✓					✓	✓	✓

4. Nội dung và tiến trình thực hiện đề án

4.1. Đăng kí đề án và xây dựng đề cương nghiên cứu đề án thạc sĩ

- Học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn.
- Học viên trao đổi và thống nhất với người hướng dẫn về đề tài đề án và hướng thực hiện đề án.
- Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề án.
- Bộ môn tổ chức góp ý đề cương nghiên cứu đề án.
- Học viên hoàn thiện đề cương, có xác nhận của người hướng dẫn và Trưởng bộ môn.
- Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề án và người hướng dẫn cho học viên trước khi tổ chức đánh giá đề án ít nhất 3 tháng.

4.2. Thực hiện đề án

- Nghiên cứu tổng quan
 - Nghiên cứu cơ sở khoa học
 - Nghiên cứu cơ sở thực tiễn
 - Phân tích, đánh giá, thảo luận kết quả
 - Kết luận và đề xuất giải pháp
- ##### 4.3. Hoàn thiện báo cáo đề án tốt nghiệp (Gợi ý)

4.3.1. Viết báo cáo đề án tốt nghiệp

Đề án có cấu trúc 3 phần không kể mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

4.3.2. Viết tóm tắt đề án

- Tóm tắt đề án có kích thước 148.5 x 210 mm (khổ A4 chia đôi), trình bày rõ ràng, không tẩy xóa. Số thứ tự của các hình vẽ, bảng biểu phù hợp như trong đề án.

- Tóm tắt nhiều nhất trong 24 trang trên hai mặt giấy, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 11.

- Tóm tắt phải phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của đề án.

4.3.3. Viết thông tin về đề án bằng tiếng Việt và tiếng Anh: Thực hiện theo mẫu 9 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

5. Đánh giá đề án tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường

5.1. Đánh giá đề án tốt nghiệp

- Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng.

- Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà trường và Nhà nước.

5.2. Sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện Trường

Sau khi báo cáo bảo vệ xong đề án, học viên chỉnh sửa báo cáo theo kết luận của Hội đồng, hoàn thiện báo cáo đề án, nộp thực hiện báo cáo đề án theo quy định hiện hành.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá đề án

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Nội dung đề án				
1	Hội đồng chấm nội dung đề án	Rubric đánh giá báo cáo đề án	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	80%
Các công trình khoa học có liên quan đến đề án				
1	Hội đồng chấm nội dung các công trình khoa học có liên quan đến đề án	Rubric đánh giá các bài báo khoa học	CLO 1, 2, 3, 4, 6, 7	10%
Hình thức đề án				
1	Hội đồng chấm hình thức báo cáo đề án	Rubric đánh giá hình thức báo cáo đề án	CLO5	10%
Kỹ năng trình bày báo cáo đề án trước hội đồng				
1	Hội đồng chấm kỹ năng trình bày báo cáo đề án	Rubric đánh giá kỹ năng báo cáo đề án	CLO5, 6, 7	10%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu làm đề án

- Sau khi học hết 70% học phần của chương trình đào tạo.

- Thực hiện đề án trong thời gian 03 tháng.

- Điều kiện để được bảo vệ đề án.

- Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình học viên nghiên cứu đề án tốt nghiệp, giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện các nhiệm vụ của đề án đạt được mục tiêu đề ra.

9. Trang thiết bị

Có đầy đủ các phương tiện, cơ sở vật chất phòng học, bảng, máy chiếu, máy tính, Internet, wifi để học tập, nghiên cứu; Trung tâm thông tin thư viện của nhà trường hiện đại, rộng lớn có đầy đủ tài liệu phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu đề án...

10. Tài liệu

Trường Đại học Hồng Đức (2022), Các biểu mẫu 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 về thực hiện Đề án tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

- [1]. *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016* của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- [2]. *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021* của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- [3]. *Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT* ban hành *Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ*;
- [4]. Quyết định số 297-QĐ/ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng về ban hành *Quy định tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức*;
- [5]. Quyết định 2633/QĐ-ĐHHD ngày 31/12/2021 ban hành định hướng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;
- [6]. Công văn 31/ĐHHD-QLĐTSDH ngày 8/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc cập nhật mẫu và hướng dẫn viết chuẩn đầu ra, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
- [7]. Thông báo số 125/TB-ĐHHD ngày 31/5/2023 về Kết quả Hội thảo khoa học về “Giải pháp thực hiện học phần Thực tập, Chuyên đề nghiên cứu, Đề án, Luận văn tốt nghiệp trong CTĐT trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức”.
- [8]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2020.
- [9]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP Hà Nội.
- [10]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh.
- [11]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP, ĐH Vinh.
- [12]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP, ĐH Huế.
- [13]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng.
- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quy định hiện hành của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

- + Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng.
- + Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời

gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trường khoa Khoa học xã hội có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường Bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa Khoa học xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

W